PHẦN III

LỄ HỘI

LỄ HỘI GẮN VỚI LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

Lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ

Lịch sử hình thành vùng đất Phong Lệ "Xứ Quảng" (Quảng Nam) đến nay đã trên 600 năm. Người Quảng Phong Lệ là những cư dân từ Thanh - Nghệ - Tĩnh khi vào đến nơi đây, nơi dừng chân cuối cùng, công việc đầu tiên là cùng nhau, bằng sức lao động của mình lo khai canh, khai cơ lập nghiệp. Hầu hết vốn xuất thân là người làm ruộng, vì thế với những kinh nghiệm và ngành nghề nơi quê cha, đất tổ, sản xuất nông nghiệp luôn là nghề chính (nông vi bản), chủ yếu của nhân dân. Do đó, người làng Phong Lệ khi đã có mảnh ruộng, thửa vườn, với công cụ con trâu, cái cày, cộng với sự khai thác, xây dựng, cải tạo sông nước, đê đập, phân, giống cây trồng, vật nuôi… họ đã gắn bó với ruộng đồng, vườn tược, bốn mùa nông tang cày cấy, được xem là yếu tố quyết định sự tồn tại, sinh thành của cộng đồng người dân tại đây.

Trong quá trình phát triển làng xã cho đến ngày nay, làng Phong Lệ không khác những làng quê khác, là sớm hình thành những thiết chế, cơ sở vật chất gắn với đời sống, sinh hoạt và văn hoá tinh thần, tín ngưỡng tâm linh, đấy là những xóm thôn, nhà ở, đình làng, nhà thờ, lăng miễu, từ thô sơ đến kỹ thuật xây dựng đạt tới độ nghệ thuật ở một vài công trình còn được gìn giữ tôn tạo. Gắn với những gì ra đời từ bước chân đầu tiên của lưu dân đến vùng đất mới này là những phong tục, tập quán được hình thành; giềng mối gắn kết giữa các họ hàng, dòng tộc; giữa con người với thiên nhiên; giữa cái vô hình với thế giới hữu hình là sự thờ cúng tổ tiên, thần linh (dẫu thần linh là sự mơ ước, ngưỡng vọng trong tâm tưởng). Nhưng chính những phong tục tập quán như các vị cao niên còn sống và chứng kiến ngày nay đều coi là lễ nghi thiêng liêng thuần Việt. Trong đó Lễ hội Mục đồng, có khi dân làng gọi là Lễ Rước Mục đồng, hoặc hát Mục đồng là sáng tạo dân gian trong một không gian làng xã mà đối tượng đứng ra lo liệu là các chức sắc, dân làng

và trẻ em, không phân biệt đẳng cấp, giàu sang, nghèo hèn, ông chủ hay người làm thuê đều chia sẻ cùng nhau sự náo nức vui tươi. Một nét đẹp văn hoá giàu màu sắc đóng góp vào kho tàng văn hoá văn nghệ dân gian dân tộc, làm nên sự đa dạng, phong phú mang đậm bản sắc từng vùng, miền.

"Làm nhà tậu ruộng mua trâu" (Ảnh tư liệu)

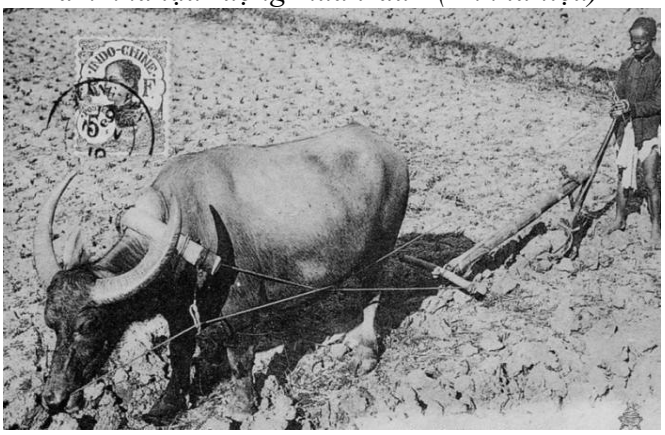

Phong Lệ xưa còn là một trong những làng quê được coi là nơi nổi tiếng hiếu học và giàu lòng yêu nước, có nhiều nho sĩ, sĩ phu ra ứng thí đỗ đạt và làm quan văn, võ cương trực, không khuất phục, lòn cúi trước kẻ thù và bọn vua quan tay sai phong kiến. Như trường hợp họ Ông, một họ tộc gốc Chăm (Ông, Ma, Trà, Chế, Bà, Bí, La..) là những tộc họ lớn nhất của người Chăm, có mặt sớm nhất (người bản địa) ở đất Quảng Nam xưa. Ông Ích Khiêm là người ở làng Phong Lệ vốn xuất thân từ "giới" chăn trâu, nhưng lớn lên chịu khó học hành, lại vinh hiển qua đường khoa bảng cùng với lòng yêu quê hương tha thiết đã gội nhuần tư chất là một Ông Ích Khiêm dũng tướng can trường nghĩa khí [1], rồi liệt sĩ Ông Ích Đường [2], là những nhân vật đã đi vào sử sách về sự dũng cảm hy sinh, xả thân vì nước vì dân, coi cái chết nhẹ như lông hồng, đã để lại tấm gương trung liệt cho con cháu trong làng và cho đất nước.

Dòng sông Yên xuôi xuống đến đoạn Cầu Đỏ, chiếc cầu trên quốc lộ 1A, rồi từ đó là sông Cẩm Lệ chia tách hai làng làm đôi là

[1] 1884 – 1932.

[2] 1890 – 1908. Chí sĩ Lê Bá Trinh, người làng Hải Châu là con rể của Ông Tán Thiện (Ông Ích Thiện), là anh rể Ông Ích Đường.

Phong Lệ Nam và Phong Lệ Bắc, nơi có lăng mộ Ông Ích Khiêm và mộ phần dòng họ Ông cùng mộ các chư phái tộc yên nghỉ.

Ngày nay, khi đi ngang qua vùng đất Quảng, đến làng Phong Lệ (nay là Phong Nam) thuộc xã Hòa Châu, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng nếu lắng nghe quá khứ thì quá khứ vẫn còn vọng đến hôm nay âm hưởng thiết tha về một thời kỳ trẻ em chăn trâu có dịp làm chủ làng mình, hội mình và có lẽ cả những ngày sau nữa. *"Nhất Phong Lệ Mục đồng /Nhì Giáng Đông đấu vật"* là một tập tục lâu đời tồn tại trong nhân dân ở đây và đã trở thành niềm tự hào của họ - một niềm tự hào chính đáng về một phong tục Lễ hội giàu sức sống nhân văn bền chặt ở làng quê yên bình này.

Truyền thuyết về Thần Nông

Thường, cứ ba năm làng Phong Lệ tổ chức hát Mục đồng một lần, những năm không hát Mục đồng thì rước Thần nông. Lễ rước Thần nông bắt đầu tiến hành từ mộ thần về đình thờ Thần nông.

Tương truyền rằng ngày xưa có một cụ già tóc bạc, râu trắng dài như một tiên ông. Không biết cụ già từ đâu đến ở tại làng. Cụ đặc biệt gần gũi và yêu mến trẻ em chăn trâu và cụ cũng thường được trẻ em chăn trâu săn sóc nâng niu kính trong như người thân thích. Lại nữa, kính trọng cụ vì cụ nói những điều linh nghiệm!

Về sau, tuổi già sức yếu, ông cụ chết tại một gò đất mà sau đó trẻ em chăn trâu gọi là cồn Thần. Trẻ chăn trâu mai táng cụ, đắp cho cụ một nấm mộ. Mặc dầu cụ mất nhưng hằng ngày trẻ em chăn trâu thường đến gò chăm sóc mộ cụ, tỏ lòng thương tiếc cụ. Trẻ em chăn trâu nào có trâu đi lạc đến mộ nhờ cụ, khấn vái cụ vài lần, sau đó trâu sẽ trở về, khỏi phải đi tìm. Từ đó trở đi, trẻ em chăn trâu tin vào những linh nghiệm của cụ, tiếng đồn gần xa lan truyền đến người lớn - nhân dân - và sau đấy thể theo linh ứng của cụ,

người dân làng Phong Lệ mở hội rước Thần nông về làng Phong Lệ [3].

Theo năm tháng, gò có mộ Thần nông trẻ em chăn trâu gọi là Cồn Thần[4], địa danh nầy hiện còn ở Xóm Đồng (Phong Nam, Hòa Châu, Hòa Vang). Quá trình xuất hiện Thần Nông còn được kể rằng:

Ngày xưa có vị Thần nông giáng xuống gò, tay cầm cờ, thường hay dạo chơi thân mật với trẻ em chăn trâu khắp đồng. Dân làng truyền nhau gò rất thiêng, ai qua đấy nếu quở, về nhà sinh bệnh mà chết, phải có lễ khấn vái mới qua khỏi. Người nào ngồi lên mộ thần là bị dính vào mộ không sao có thể gỡ được, cũng phải làm lễ xin mới được tha. Có người còn cho rằng hiện tượng trên chỉ xảy ra với người làng khác đến, còn với người làng Phong Lệ thì không, đặc biệt trẻ em chăn trâu thì không xảy ra việc gì. Vì những lý do trên nên gò Thần nông đến nay vẫn quang đãng và trở thành nơi tụ tập chơi đùa của trẻ chăn trâu, đồng thời cũng là nơi dùng để rước lễ Thần nông.

Và cũng trên địa danh Cồn Thần này, từ ngày xưa là một vùng gò nổi lên giữa cánh đồng ở Xóm Đồng, chỉ toàn cỏ dại tươi tốt, nơi trẻ chăn trâu thường mỗi chiều lùa trâu, bò tụ tập lên đây thả rông gặm cỏ, còn chúng thì bày trò vui chơi đánh đáo, ông làng, chơi u, đánh nẻ…nhảy dây, đuổi bắt, hát đố nhau vô tư, huyên náo. Vào mùa lũ lụt, sau những ngày mưa lớn, cánh đồng ngập trắng nước, Cồn Thần hiện lên như một ốc đảo nhỏ nhoi, chim cò bay lượn rồi đảo cánh đáp xuống trú chân. Các trẻ chăn trâu càng vui sướng cởi trâu lên đây tránh nước, có dịp thi thố trò chơi, dùng nón lá làm

---

[3] Chính thế mà trong câu hát gọi bò của trẻ em chăn trâu ngày trước ở làng Phong Lệ có nhắc đến Thần nông:

... Chớ nhảy băng đồng
Thần nông văn họng...

[4] Cồn Thần có nền đá tự nhiên, màu trắng, mặt nghiêng rộng 3-4 m2.

thuyền, dùng bẹ chuối, mo nan kết bè thả trôi, hè nhau bơi lội, té nước lên nhau, rồi leo lên tảng Đá Thần. Tảng đá duy nhất ấy ở Cồn Thần cũng là hiện tượng lạ, được tương truyền rằng:

Bất kỳ những ai đến đây vô tình ngồi trên tảng đá, tự nhiên bị dính chặt không đứng dậy được. Có những đàn vịt đi ăn trên cánh đồng, khi leo lên tảng đá đứng rỉa lông, hoặc chỉ băng qua là hai chân như dán chặt vào mặt đá. Khi những tình huống linh thiêng ấy xảy ra như thế, thì chỉ có một cách duy nhất là người nhà đem hương đèn, lễ vật đến khấn vái, thì người và vật được trở lại bình thường, yên lành ra khỏi nơi đấy. Duy chỉ có trẻ chăn trâu và những con trâu, con bò thân thiết của chúng hằng ngày đến đây không việc gì.

Tảng Đá Thần ngày nay vẫn còn trơ gan cùng tuế nguyệt. Thời gian, mưa nắng khắt nghiệt, tảng đá có xê dịch quanh đó, do bà con trong làng lên đây tranh thủ tận dụng chút đất màu mỡ trồng tỉa vài thứ rau, bắp. Nhưng tảng Đá Thần luôn là hiện vật được dân làng tôn trọng, hương khói mỗi dịp lễ, tiết, nhất là trong những ngày lễ trọng như Lễ hội Mục đồng, rước Thần nông diễn ra, các chức sắc dân làng và trẻ em chăn trâu được thể hiện, bày tỏ lòng thành kính của mình trước những sự tích và di vật còn hiển hiện trên đất làng và trong tâm thức của họ

Việc rước lễ Thần nông chủ yếu do trẻ em chăn trâu chủ sự, có sự giúp sức của các chư phái tộc và lực lượng ngũ hương trong làng [5].

Hằng năm vào tiết tháng 4, tháng 5 ngày 1 âm lịch là tổ chức rước lễ. Để chuẩn bị cho ngày này, làng Phong Lệ giao nhiệm vụ cho những trưởng chư phái tộc trong làng và những người cày ruộng công quân cấp lo làm kiệu, cờ, lồng đèn, hoặc vận động những gia

[5] Hương mục, hương thân, hương lý, hương kiểm, hương bộ.

đình khá giả ủng hộ cơm, nếp, gà, vịt...cho lễ hội. Phần lớn vận động trên tinh thần tự nguyện là chủ yếu. Trẻ em chăn trâu được cắt cử, tổ chức thành nhóm lo mọi công việc từ rước lễ, ăn uống, dọn dẹp...rất có quy cũ, trật tự.

Cờ kiệu làm xong, theo quy định của làng mang ra đình Thần nông bình phẩm, chấm chọn, xếp loại khen thưởng trước khi tham gia lễ hội. Kiểm tra xếp loại khen thưởng xong, cờ kiệu và các phẩm vật khác được mang đến mộ Thần nông tiến hành lễ theo ngày giờ quy định, thành tâm rước thần về đình thờ. Trẻ em chăn trâu trong những ngày nầy được coi trọng, người lớn tuổi cũng phải phục vụ hết mình, xem như là nhiệm vụ phải thực hiện mà không câu nệ, phân biệt giai tầng trong làng xóm. Trẻ chăn trâu rất vui và phấn kích trong những ngày này, xem đây là nhiệm vụ, là trách nhiệm của giới mình nên tất cả trẻ chăn trâu trong làng được huy động tham gia lễ hội không trừ một ai.[6]

Tam niên nhứt lệ, cứ ba năm làng Phong Lệ tổ chức rước Mục đồng một lần vào các năm Tý, Mẹo, Ngọ, Dậu. Chủ yếu của lễ là rước kiệu Thần nông dạo chung quanh cánh đồng của làng Phong Lệ. Thời gian rước 2 ngày 3 đêm, đêm thứ 3 sau lễ rước là hát Mục đồng.

Sau lễ rước Thần về đình Thần nông, an vị xong là khai chầu mở hội vui chơi bằng hình thức hát giáo tuồng (hát bội) nhân đó, người làng Phong Lệ còn gọi đêm hát là *Hát Mục đồng*.

Lễ rước Thần Nông về làng Phong Lệ

Năm 1985, trong đợt điền dã về quê hương của "Phong Lệ Mục đồng" đã từng tổ chức những đêm rước mục đồng lay động

[6] Xem truyện tại phần phụ lục để hình dung được niềm vui của trẻ mục đồng làng Phong Lệ trong những ngày dự hội.

dân làng và dân tứ lân đến xem, theo lời kể của cụ Ngô Tấn Nhã (nay cụ đã qua đời) người làng Phong Lệ đã từng nhiều lần tham gia giữ vai trò Tư lễ của làng, giúp làng tổ chức các buổi hành lễ tế đình, miễu, âm linh…,Thần nông và các nghi lễ khác tại các di tích thờ phượng thần linh tại làng, [7] cho biết:

Theo cụ (mất năm 2000), mặc dầu sinh thời cụ không phải trẻ mục đồng, song lại biết rất rõ vì thời thanh thiếu niên cụ có chứng kiến nhiều lần làng Phong Lệ tổ chức rước Mục đồng và qua cụ, ngày nay có thể hình dung ra được toàn cảnh một cuộc rước Mục đồng tại làng Phong Lệ xưa. Thêm, các cụ Ông Văn Hoá (91 tuổi), Ngô Tất Thanh (85 tuổi), Ông Văn Từ (85 tuổi), Ngô Xám (75 tuổi), cụ Lê Kim Chúc (86 tuổi)… Trong số đó, cụ Lê Kim Chúc là một Trùm chỉ đã từng cầm roi giữ trật tự trong đám rước năm 1936 (Bính Tý), cách đây 72 năm kể lại trình tự cuộc rước như sau:

Rước Thần Nông về đình (VVH)

Để rước Thần nông về đình làng, đoàn rước khiêng kiệu, mang cờ từ đình Thần nông về Cồn Thần làm các thủ tục cổ truyền. Sau khi tin chắc rằng tại Cồn Thần, Thần nông đã giáng xuống và ngự tại kiệu Thần, đám Mục đồng do 4 em trẻ, khoẻ khiêng kiệu rước Thần về đình làng an vị dâng hương đảnh lễ.

[7] Theo truyền thuyết, Thần Nông là vị hoàng đế Trung Hoa, dạy dân làm ruộng, chế tác công cụ lao động gồm cày, bừa, cuốc, xuổng, vồ… Từ thời nhà Hán du nhập vào Việt Nam tục cúng Thần Nông. Tuỳ theo vùng, có nơi không làm miếu, có nơi dựng miếu để thờ. Làng Phong Lệ không làm miếu thờ Thần Nông mà thường cúng hoặc rước Thần Nông tại Cồn Thần về đình Thần Nông, sau đó mới tổ chức dọn cỗ bàn cúng Thần.

Để rước Thần nông về đình, đầu tiên là rước kiệu và cờ Mục đồng dạo quanh đồng làng Phong Lệ. Tham gia lễ rước có hai hàng cờ, mỗi hàng 13 cây kèm theo cờ của làng, cờ các chư phái tộc và các loại lồng đèn. Lồng đèn phần nhiều là loại hình bánh ú màu trắng, vàng. Chọn 52 mục đồng mạnh khoẻ, luân phiên cứ 2 người thay nhau cầm 26 cây cờ Mục đồng và cờ làng. Cờ, có cờ vuông, cờ đuôi nheo. Việc làm cờ, làm kiệu được phân chia cụ thể cho các chư phái tộc trong làng Phong Lệ. Họ nào cũng phải góp nhân tài vật lực vào ngày hội của làng, qua các công đoạn làm cờ, kiệu cũng có phong trào thi đua tốt, xấu, vì thế nên tộc họ nào cũng cố gắng làm thật đẹp, sao cho nổi trội hơn hết để được chấm có giải. Ý nghĩa nhất vẫn là lời khen của các chư phái tộc trong làng là niềm vinh hạnh cho họ, bởi tất cả đều thành tâm phục vụ Thần nông, mong Thần giúp đỡ cho ngày mùa ăn nên làm ra. Lời khen là niềm tin sinh động cho một năm cày sâu cuốc bẫm trên thửa ruộng quê nhà.

Cờ Mục đồng màu đỏ có tua vàng, cán dài 4 mét, (7 thước mộc, theo cách tính Lỗ Ban), đỉnh cán vạt thành lưỡi giáo nhọn hoặc chiếc sừng trâu đưa lên trên. Trang trí từ trên xuống dọc theo cán cờ gồm nhiều tầng: trái găng, hoa bằng tre vót thành tua nhỏ, nhuộm màu xanh đỏ. Bộ tứ linh long, lân, quy, phụng làm bằng vải hoặc bằng giấy màu rực rỡ, có móc những mảnh giấy bạc lấp lánh treo lên cán cờ. Một con rồng uốn thân ngậm vào đầu lá cờ. Người xem trông vào lá cờ đã thấy công phu, nhất là các công cụ, dụng cụ trong sản xuất và sinh hoạt như cày, bừa, cuốc, liềm, rựa, gàu, thúng, mủng, rỗ, rá… được làm bằng tre, gỗ thu nhỏ mắc lủng lẳng trên cán cờ… chứng tỏ có sự chuẩn bị công phu và khéo tay, có sự sáng tạo và dồn sức cả tháng rất chu đáo. Về lồng đèn thường là lồng đèn kéo quân, bánh ú có chức năng soi sáng về đêm và tạo cho cảnh trí đêm rước Thần Nông thêm đẹp, lộng lẫy.

Trong lộ trình rước Thần, cờ Mục đồng đi sau kiệu Thần nông, kèm trước và sau là hai hàng lồng đèn và hai hàng giáo mác. Những người khiêng kiệu, cầm cờ, cầm giáo đầu đội nón dấu (nón gõ), lưng thắc một dải lụa điều.

Cờ Mục Đồng (VVH)

Cắt cử 2 người phụ trách khiêng trống. 2 người phụ trách khiêng cổ, 4 mục đồng khiêng kiệu Thần.

Hai Trùm mục (trùm bành) chỉ huy cuộc rước Thần, 2 Trùm chỉ (Trùm phụ) giúp việc, trông coi trật tự. Trông dáng vẻ mục đồng và các vị trùm rất vui, oai vệ. (Nay còn cụ Lê Kim Chúc 86 tuổi đã từng tham gia làm Trùm chỉ đợt rước Thần nông trong Lễ hội Mục đồng lần cuối cùng vào năm 1936.)

Đi đầu là một vị Trùm bành (còn gọi là Trùm mục), tay cầm phèng la (sênh) đánh hiệu lệnh hai tiếng kép, một tiếng đơn lẻ. Thường, Trùm bành đánh một hồi dài và lại ba tiếng lẻ, rồi cứ thế ba tiếng lẻ đánh dồn dập, thúc bách. Giúp việc cho Trùm bành còn có Trùm chỉ, và Trùm phụ lo việc sắp xếp hàng ngũ, nhắc nhở nhau khi rước Mục đồng dạo trên cánh đồng. Theo sau kiệu là đàn trẻ em chăn trâu, mặt mày lúc nào cũng tươi vui tở mở. Đây là lực lượng được coi trọng nhất trong lễ hội. Không ai mở miệng rầy la trẻ em chăn trâu trong những ngày này. Giới chăn trâu phát huy được tinh thần làm chủ của giới mình trong lễ hội.

Sau ba tiếng trống lịnh báo hiệu, Trùm bành đi đầu dõng dạc xướng:

-Hô chúng Mục đồng Phong Lệ ta, rước vua Thần nông về đồng Phong Lệ ta [8].

Cả đoàn trẻ em chăn trâu và cả những người đi theo xem hội rước kiệu Mục đồng đều đồng thanh hô đáp:

-Giả hạ! Giả hạ!

Trùm bành lại hô tiếp:

-Xin cho tốt lúa, tốt gieo, vũ thuận phong điều. Mừng reo một tiếng !

Cả đoàn người đi theo đám rước trên cánh đồng Phong Lệ đồng thanh hô theo:

-Giả hạ ! Giả hạ !

Trùm bành lại xướng tiếp:

-Tiếng của mừng reo !

Cả cánh đồng lại hô đế theo trầm hùng như một dàn hợp xướng, âm thanh dội lên liên tục một hồi lâu. Âm thanh… h…ạ…kéo dài vang xa, thúc giục.

-Giả hạ...ạ...ạ! Giả hạ...ạ...ạ!

Tiếng hô kéo dài lan tỏa sang các làng lân cận. Đoàn rước vừa đi, hai hàng cờ nhào lộn trên cánh đồng khô quang đãng, cờ tung bay trong gió nhộn nhịp, thanh bình, nghiêng qua đảo lại, nhịp nhàng. Hai hàng giáo mác nghiêng bên nầy, đỡ bên kia cổ vũ mãi không thôi. Một quang cảnh thật vô cùng náo động, ngoạn mục.

---

[8] Về lời hô nầy, chúng tôi có gặp một bản khác hô như sau: *"...Rước vua Thần nông về làng Phong Lệ ta..."*

Đi kèm đám rước có đội chinh cổ nhạc và phường bát âm hòa lên vang động khắp đồng, len vào tận lũy tre làng náo nức. Tất cả âm thanh trong lễ hội làm nức lòng già trẻ, gái trai không chỉ làng Phong Lệ, mà còn lan tỏa, kích thích những làng bộ chung quanh từ dưới lên như Lỗ Giáng, Liêm Lạc, (Hoà Xuân); trong ra như Trà Kiểm (Hoà Phước), các làng thuộc xã Điện Phương (Điện Bàn); ngoài vào có Cẩm Lệ, Bình Thái (Hoà Thọ), Quá Quê (Khuê Trung), Đông Phước, Nghi An (Hoà Phát); trên xuống có Cẩm Hoà, Cẩm Bình, Cẩm Toại (Hoà Phong), Phước Thuận (Hoà Nhơn), Khương Mỹ (Hoà Khương), Yến Nê, Lệ Trạch (Hoà Tiến)... cũng bôn ba kẹp nón đi từ sớm về Phong Lệ dự xem lễ rước Thần nông. Lễ rước dạo đi khắp nơi, không chỉ trên cánh đồng làng mà còn cả trên khắp các đường làng, đường cái quan của làng Phong Lệ.

Đoàn rước đi đến đâu, lời hô vang lên đến đó, người này hô chưa dứt thì người khác đã nối theo. Đoàn cờ Mục đồng lại chạy lượn vòng tới lui, quanh đi lộn lại trước Cồn Thần và trên khắp cánh đồng Phong Lệ. Tiếng phách gõ nhịp lại vang lên, đám rước diễu hành đến đâu, đám đông người tham dự và xem lễ kính cẩn giạt ra đến đấy. Trên cánh đồng trơ trụi vừa thu hoạch vụ mùa còn bao phủ hơi lạnh sương đêm, thế mà làn sóng người đổ ra bốn phía mỗi lúc một đông. Trời hừng sáng, mấy bó đuốc vác theo dự trữ cũng đã tàn gần hết. Các Trùm chỉ, Trùm phụ không ngại vất vả chạy đi, chạy lại ổn định trật tự, các em nhỏ xem hội chen lấn, xô đẩy nhau dang ra bằng những ngọn roi đe doạ vun vút, trót trót. Tiếng trống, tiếng chiêng cùng với âm nhạc dìu dặt, chốc chốc lại rộ lên những lời hát đồng dao "hả hê" như làm tăng thêm sự lôi cuốn mời mọc nhưng cũng gợi lên nỗi lòng của giới Mục đồng:

"Người ơi đừng đánh tôi đau
Để tôi tát nước, giữ trâu người nhờ..."

Em ơi! Hãy nín đi em
Kẻo bị đánh nửa thôi thì em đau

Em đau, chị cũng buồn rầu
Bé mồm, bé miệng, kêu đâu bây giờ!

Em tôi buồn ngủ, buồn nghê
Buồn ăn cơm nếp, cháo kê, thị gà.

Cu Tí là con nhà ai?
Ăn cơm thì ít, ăn khoai thì nhiều..v.v…

Lễ rước Mục đồng năm 1936 (Bính Tý) đông đúc, vui nhộn đến tàu lửa cũng ngưng nhả khói, dừng lại để xem, đồng thời nhường đường cho đám rước đi ngang qua đường sắt (cầu Đỏ), thể hiện sự tôn trọng đối với đám rước của lễ hội Mục đồng. Có lần vợ viên Bố chánh tỉnh Quảng Nam ngồi võng cho người khiêng đi ngang qua cánh đồng đang giờ rước lễ, trẻ em chăn trâu ra lệnh xuống võng, bà nầy không y lệnh, liền bị Trùm phụ, Trùm chỉ quất bừa, trẻ Mục đồng vây lấy võng, y thị phải bỏ võng tháo chạy. Về đến nhà y thị làm mình làm mẩy trách quan: "Sao đám trẻ con dám ngang ngược vợ của quan làm vậy?". Viên Bố Chánh trả lời: "Việc của cả làng, đến tôi cũng phải xuống xe, xuống ngựa, sá gì bà. Phép vua thua lệ làng, bà không biết sao!"

Đoàn rước diễu hành qua cánh đồng, theo đường làng tiến về đình Thần nông. Bấy giờ mặt trời đã lên cao quá nửa ngọn tre, chỉ còn một đoạn công hương nữa là về đến đình đúng giờ Tỵ (chừng 10 – 11 giờ).

Khi đám rước vào cổng đình, trong sân chật cứng người ta đang chờ đấy. Hầu hết là những người đội lễ vật đến cúng, nên ai nấy đều khăn áo chỉnh tề. Nhóm mục đồng cảm nhận rất vui nhộn, hả hê khi thấy bà con cả làng kể cả những ông bà chủ hộ trâu bò, ai nấy đều tôn trọng ngày lễ đặc biệt của giới chăn trâu này. Thực sự như vậy, lễ rước trên đường đi nếu gặp viên quan chức sắc nào chăng nữa cũng phải tránh ra một bên để cho đám rước đi qua chứ không thể cậy mình quan to, chức lớn mà nghênh

Rước Mục Đồng (VVH)

ngang hống hách được. "Phép vua thua lệ làng" là như thế đó. Nếu chẳng may gặp phải những vị quan hay vợ quan tỏ điều cho mình "Phụ mẫu chi dân" lên tiếng nạt nộ, thị uy xúc phạm thì giới mục đồng lại thể hiện "Nộ khí xung thiên", dù biết rằng sẽ phải rước hoạ vào thân. Cho nên ai được cử đến làm quan vùng này thảy đều phải biết tôn trọng cuộc lễ của đám người nghèo mạt, quanh năm cơ cực, phải 3 năm mới có được ân huệ một ngày.

Sau mỗi đêm rước Thần nông, cờ được đem về cắm hai hàng ở đình Thần nông. Đèn đuốc được thắp sáng suốt đêm. Đội giáo tuồng khẩn trương chuẩn bị cho công việc diễn hát trong những ngày sắp tới. Bên ngoài khuôn viên đình Thần nông người đông tấp nập, hàng quán được dựng lên bán nhiều món ăn nhà quê, dân dã. Các trò chơi giải trí hoặc lấy hên xui qua các loại bài: tào cáo, xóc dĩa... diễn ra tấp nập.

Ba ngày rước Thần nông người đông như hội, có người từ trên nguồn xuống, từ trong ra, biển lên, ngoài vào tụ lại tại làng Phong Lệ để coi rước lễ.

Đêm thứ 3 mới là đêm chính thức rước Thần nông. Giờ Tý xuất hành từ đình Thần Nông, đi giữa là kiệu, hai hàng giáo mác hai bên, đến chiêng, trống, nhạc bát âm. Đoàn người đến mộ Thần nông (Cồn Thần) khoản giờ Mẹo. Trùm bành còn gọi là Trùm mục

(thường là Lý trưởng làng) đứng ra thay mặt đám rước và tinh thần người làng Phong Lệ gieo âm tín bằng hai đồng tiền để biết rằng Thần đã giáng hay chưa. Khi hai đồng tiền thảy lên rơi xuống, một đồng sấp, một đồng ngữa (gọi là xin keo), vị chủ lễ cảm nhận rằng Thần đã giáng rồi, một hồi thanh la nổi lên, Trùm phụ, Trùm chỉ lo việc sắp lại hàng ngũ cho được chỉnh tề, trang nghiêm. Trống lệnh (cổ) cất lên, kế là ba hồi chiêng trống và phường nhạc cổ bát âm tấu lên, thường là bát âm với điệu Kim tiền phấn khởi, mừng vui, rồi nhạc chuyển dần sang điệu Lưu thủy trang nghiêm.

Hiệu lệnh ba tiếng thanh la gõ lên là báo hiệu sẵn sàng. Vị Trùm bành xướng lớn:

-*Rước vua Thần nông về đồng Phong Lệ ta !*

Cả đoàn người hô theo:

-*Giả hạ !...*

Trùm bành xướng tiếp:

-*Hô chúng Mục đồng Phong Lệ ta ! Xin cho tốt lúa tốt gieo, vũ thuận phong điều, mừng reo một tiếng !*

Đoàn mục đồng hợp xướng reo to:

-*Giả hạ...ạ....ạ...! Giả hạ...ạ...ạ...!*

Tiếng reo lại tiếp tục vang xa âm hưởng trầm hùng phấn chấn hàng ngàn người dự hội. Đoàn người từ mộ Thần nông di chuyển về đình thờ Thần nông, đoàn Mục đồng nối theo nhau diễn qua đồng làng tiến dần về hướng đình. Tiếng phèng la, tiếng trống cái, trống lịnh, trống con cùng hòa với đội nhạc cổ bát âm tạo nên một không gian lễ hội hoành tráng.

Tiếng *"xập xả"* đều đều gây nên ấn tượng nhịp nhàng sắc nhọn. Suốt cả đêm, đoàn rước Thần đi suốt cánh đồng Phong Lệ, không có một đám ruộng nào mà đám rước Thần không đặt chân đến. Kiệu

Thần đi vào thửa ruộng nào, chủ nhân của ruộng cho là có hên lắm, Thần sẽ giúp để có một mùa bội thu. Do đi khắp đồng nên đoàn rước Thần về đến đình là sắp bước sang đầu giờ Dần (tờ mờ sáng hôm sau). Ngay tại sân đình cử hành lễ an vị. An vị xong là lễ vọng. Đang khi lễ vọng tiến hành thì vị Hội chủ tắm cho trâu bò hoặc heo làm vật hy sinh,[9] chuẩn bị giết để tế Thần cầu xin cho năm đến làng Phong Lệ được mùa, no đủ, vũ thuận phong điều. Trong lễ tế Thần, văn tế có đoạn viết:" *Khắc xương khuyết hậu, hữu khai tất tiên, thiệt vi dân thiên minh triêu vu dĩ tọa cả...Điền vô bách bá, hân hách cốc chi dụng thành, hỷ kim canh tác phàm manh.".*

Đoàn rước dừng lại trong sân đình. Kiệu Thần được đặt ngay giữa gian chính điện. Vị chủ tế cung kính mang bài vị Thần nông đặt vào bàn thờ trong đình. Phẩm vật đảnh lễ có đến trăm khay xôi đầy đặn, mỗi khay kèm theo một con gà luộc được bày trên các bộ phản hai bên gian tả hữu đình được đưa lên các bệ thờ chính điện, tả hữu tế Thần [10].

Sau lễ tất, phẩm vật được bày biện trên ba hàng chiếu hoa từ trong ra đến hiên đình. Hàng chiếu hoa gian chính điện gồm các thành phần viên chức, ngũ hương, các bậc bô lão, những người cao niên trong làng ngồi dự. Hai gian tả hữu dành riêng cho trẻ mục đồng hưởng "lộc huệ" của thần, được quyền "ăn nói, vui cười" mà trong đời họ bất quá cũng chỉ được một vài lần tham dự lễ với tư cách là mục đồng đã là nhiều lắm rồi. Trong vui chơi ăn uống, trẻ mục đồng trao đổi, tuyển chọn những mục đồng lớn tuổi, cầm cờ

---

[9] Nếu hạ hai con vật để tế thần, dân làng gọi là con *hy* con *sinh*, nếu chỉ hạ một con gọi chung là con *hy sinh*.

[10] Từ ngày 01 đến rạng sáng ngày 03 tháng 7 năm 2007, các nhà nghiên cứu văn hoá Hoàng Hương Việt, Võ Văn Hòe phối hợp với nghệ dân Ngô Văn Nghĩa, cụ Lê Kim Chúc (từng giữ vai Trùm chỉ trong lễ hội Mục đồng năm 1936) và 17 chư phái tộc làng Phong Lệ xưa tổ chức phục dựng lại lễ hội Mục đồng tại làng Phong Nam (Phong Lệ cũ) được đông đảo nhân dân trong và ngoài làng tham gia cổ vũ.

khoẻ, múa hay, biết võ nghệ, biết hò khoan đối đáp đôi câu để đến chiều tan tiệc, sang Hoá Động (Hoá Giáng, Giáng Động, Giáng Đông) cạnh làng Phong Lệ để tham gia "đấu vật" truyền thống Giáng đông đấu vật được tổ chức cùng một dịp với Lễ hội Mục đồng. Chính vì lẽ đó, đến Phong Lệ ta gặp thành ngữ quen thuộc gắn liền hai lễ hội cùng một thời điểm là *"Phong Lệ Mục đồng/ Giáng Đông đấu vật"* là vậy. Sau mấy hiệp đấu vật, trời chiều đậm trên luỹ tre làng, họ lại nuối tiếc chia tay nhau trở về với những tháng ngày cũ, trở về với thân phận chăn trâu, có người vừa chăn trâu, vừa là đầy tớ ở đợ làm thuê giúp việc cho nhà chủ. Tại nhà chủ, tiếng cười chua chát lại có dịp cất lên. Hãy nghe:

Ve ve bắt vè đầy tớ
Tôi ở với cậu mợ một năm
Cậu mắng, mợ chửi, tôi đà nhịn thua
Nói ra chỗ dại, nói lại ra chỗ cơ cầu
Công thường lường gạo
Cơm nấu một bữa nửa niêu
Tôi ở với cậu mợ không phải ở năm ở đời
Cậu mợ sợ tiếng đồn thay
Cho tôi ở mướn cầm cày đầu năm
Chưa chi, cậu mợ đà rõ tiếng tăm
Trâu leo bờ ruộng, cậu ngăm đánh đòn
Về nhà mợ hỏi căn do
Trâu leo bờ ruộng, đập đòn hay tha?
Tôi là con thiếu mẹ cha
Cho tôi ở mướn tính ra từng đồng
Cái om [11] bằng cái trứng công
Vừa một nắm thóc bớ ông chủ nhà

---

11 *Cái om*: như cái trã, cái trách nhưng nhỏ hơn, thường gọi là om một, chỉ nấu được một lon gạo.

Cái trách [12] bằng cái hột gà
Hết một nắm mắm, bớ bà chủ ôi!
Nồi niêu chưa bắt đà sôi
Chưa dần đà chín ba ông Táo bao mất phần
Nhị đói, nhịn khát là thằng giữ trâu
Dầm mưa giải nắng biết đâu cơ hàn
Ai cho mi đội nón nang
Mi ở với chàng cực khổ lắm thay (?)
Miếng xôi, miếng bánh bưng ngay vô buồng
Lại thêm áo rách hai tay
Lại thêm nón rách bay đi lạ lùng
Bay đi tứ xứ ông đông
Bay quanh bay quất, bay vô nhà nầy
Nhà nầy tội ác lắm thay
Miếng xôi, miếng bánh bưng ngay vô buồng
Ăn rồi tức bụng thình chương
Mấy thằng đón nghé [13]không thương vô cùng
Sớm mai ngủ dậy cái mặt chùng bùng
Cậu mắng, mợ chửi, anh hùng gớm ghê
Còn ba bữa nữa tôi về
Hỏi thăm cậu mợ đã thuê đứa nào
Trăng lên đà xế ba sào[14]
Cậu mợ bắt tôi vác ách chạy vào chuồng trâu
Những cứt, những đái nó vung đầy đầu
Tôi xung tôi chửi trâu bĩnh, nghé bầu nhà hoang
Con nào nằm tĩnh nằm tang
Con đen, con đỏ, con vàng lột da
Con căng trống bảng, con xây trống chầu
Cái đầu thì nộp cho vua

---

12 *Cái trách:* như cái trã nhưng nhỏ hơn.
13 *Nghé*: con bê con, trâu con.
14 *Xế ba sào*: bằng ba cây sào.

Xương sườn xương sống thời mua cho làng
Cặp sừng vào lược, vào đàn bán chơi
Ca lí lê lí lách [15] về trời thăm viếng mẹ cha
Hai hàng nước mắt tuôn ra
Phần tôi đi sớm về trưa
Vác cày cùng bừa đã mỏi hai vai
Thuê tôi quan một, quan hai
Tôi không ở nữa, tôi đòi năm quan
Cậu mợ giũ chiếu lên nằm
Bắt tôi xay lúa, tắt đèn tối tăm
Xay giã không hết mần răng [16] tôi chừ
Bà chủ có nấu một niêu khoai từ
Đổ ra nghi ngút lại kê cái dừng
Thức dậy bà ra chia phần
Mấy thằng đón nghé, củ thâm về mày
Phen ni không ăn khoai từ
Cảm ơn trâu Bĩnh nghé Bầu [17]
Trận nầy là bỏ, mai về xứ qua
Cậu mợ nấu cháo đậu kê
C...to, l... nhỏ, anh về xứ anh.

Sau lễ rước Thần nông về đồng Phong Lệ, dân làng như được tiếp thêm sức mạnh, tin tưởng hẳn lên vì có vua Thần nông giúp đỡ cho mưa thuận, gió hòa, mùa màng no đủ. Theo sau lễ rước Thần là mùa lúa đến, nhân dân làm lễ "hạ điền", sau một tháng gieo cấy xong lại có lễ "thượng điền", đấy là thời kỳ nông nhàn của nông dân. Sau vụ gặt mùa lúa chính, nhân dân Phong Lệ nói riêng và Hòa

---

[15] Ca *lí lê lí lách*: âm thanh từ chiếc sừng trâu khô, trẻ em chăn trâu dùng làm kèn thổi mà phát ra. Đôi khi mục đồng chụm hai tay lại nén hơi thổi vào tạo nên tiếng kêu tu hú ,tu hú tu…, tu hú, tu hú tu…để gọi nhau trong lúc chăn trâu.

[16] *Mần răng*: như làm sao, làm răng. (phương ngữ)

[17] Trâu bĩnh, nghe bầu tên con trâu, con nghé.

Vang nói chung có lệ cúng "cơm mới", "xôi mới" dâng lên tổ tiên ông bà.

Ý nghĩa Lễ hội

Xứ Quảng Nam là vùng nông nghiệp, nên sinh hoạt văn hoá, vui chơi, hội hè tế lễ đều gắn bó, liên quan đến nghề nông luôn được xem trọng. Lễ hội Mục đồng ở làng Phong Lệ ngày trước là một trong những hình thức coi trọng nghề nông. Thông qua lễ rước Thần nông, vị thế người nông dân được nâng cao cùng với giá trị lao động và sản phẩm của họ làm ra. Hệ tư tưởng phong kiến thường xem khinh những người lao động nặng nhọc, trong đó lao động chân lấm tay bùn không loại trừ, mà hạng thấp nhất trong giới chân lấm tay bùn này là giới chăn trâu. Vì thế, có bao giờ giới chăn trâu được ngồi tại đình làng trong những ngày lễ hội! Vậy mà đến làng Phong Lệ trong những ngày rước lễ Thần nông, trong hoàn cảnh lễ hội Mục đồng mới thấy trẻ em chăn trâu được xem trọng, được phục vụ, được tổ chức, có quyền phát huy quyền làm chủ, làm người, quyền được nói lên tiếng nói bình đẳng chính đáng của mình trước làng; quyền được ứng xử của giới mình trong việc điều hành công việc là thế nào! Điều nầy nói lên vị trí của người nông dân lam lũ và trẻ em chăn trâu trong ước mơ cởi bỏ giai cấp trong xã hội phong kiến đương thời là có thật.

Đây là lễ hội hình thành từ nền văn minh nông nghiệp lúa nước mang tính nhân văn cao cả, nét đẹp văn hoá ở các vùng quê. Không chỉ cầu mưa thuận gió hoà, cầu cho quốc thái dân an và tưởng niệm, tri ân các vị tiền bối, có công khai cơ lập nghiệp mà còn tưởng nhớ những người đã vì làng Phong Lệ mà hy sinh bản thân mình cho sự trường tồn của con dân Phong Lệ nói riêng và nhân dân xứ Quảng nói chung.

Lễ hội Mục đồng được kết tinh qua truyền thống yêu quê hương, đất nước mang yếu tố cộng đồng, đan xen yếu tố tâm linh,

tín ngưỡng dân gian địa phương. Lễ hội Mục đồng tại làng Phong Lệ là một biểu hiện vươn lên làm chủ của giới chăn trâu. Mô típ lễ hội ít thấy diễn ra ở nơi khác, mà bản chất của sinh hoạt này là tính cộng đồng, nhân bản được giữ gìn trân trọng. Làng Phong Lệ, nơi xuất thân cự tộc họ Ông với những nhân vật họ Ông nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam như Ông Ích Khiêm, Ông Ích Đường, Ông Thế Đính, Ông Văn Long, Ông Ích Thiện (Tán Thiện), Ông Ích Nhì (Tán Nhì), Ông Ích Mén…xuất thân từ nghề làm nông, là những nông dân có đời sống không phải giàu sang, nhưng ham học, yêu nước, gắn bó với làng, hơn nữa đây là đất bản địa của dân tộc Chămpa có từ trước đó hàng chục thế kỷ. Có lẽ vì thế mà có nhà nghiên cứu lễ hội này cho rằng Lễ hội Mục đồng có ảnh hưởng hoặc xuất phát từ văn hoá Chăm. Điều này cho đến nay chưa có kết luận nào cụ thể.

Lễ hội Rước Mục đồng là một lễ hội hiếm, riêng biệt so với cả nước được tổ chức 3 năm một lần tại làng Phong Lệ. Đây là một điểm son loé sáng hồn nước vào thời phong kiến, thực dân đầy áp bức bóc lột. Lễ hội Rước Mục đồng xứng đáng được tôn vinh, lưu truyền và phục hồi, bảo tồn trong cư dân và trong làng, vì những di tích, những kiến trúc đình, miếu mang nhiều sáng tạo độc đáo, vẫn còn đó, nhưng đã và đang xuống cấp, hư hại. Những câu chuyện kết đẹp như truyền thuyết sống âm ỉ trong tâm thức từ người già đến thế hệ trẻ hôm nay.

Hát Mục đồng

Hát Mục Đồng (VVH)

Sau Lễ Rước Thần nông lại có hát giáo tuồng, ở làng Phong Lệ trong quy trình nầy gọi chung là *Hát mục đồng*. Hát làm tăng thêm tinh thần cho ngày hội ở làng

Phong Lệ, góp phần hình thành một phong tục mới mang sắc thái địa phương vùng đất Quảng. Đây là một tập tục lâu đời còn ghi dấu ấn lại đến nay.

Yêu cầu để có hát bội thường nhắm vào các chủ điểm:

-Làm đình, chùa xong không xảy ra sự cố gì thì hát mừng. Hoặc,

-Khẩn cầu việc gì đấy cho làng về sau có kết quả thường tổ chức hát để *"tạ"*, cũng được xem là hình thức trả lễ cho lực "lượng siêu nhiên".

-Cũng có khi đến lệ thì hát, cứ vài ba năm tổ chức một lần, cứ vậy theo lệ, lặp đi lặp lại trong nhân dân. Ở làng Phong Lệ hát bội sau Rước Mục đồng đã trở thành lệ cứ ba năm tổ chức một lần và những năm Tý, Mẹo, Ngọ, Dậu.

Ngày xưa buổi hát không đơn giản và phổ biến như bây giờ, không phải cứ ai khá giả muốn tổ chức cuộc vui là thuê gánh hát về hát tại đình hoặc ngay tại sân nhà mình được. Phải theo lệ làng quy định, trước khi hát có họp hương lý cùng nhân dân trong làng đồng ý xong mới có thể thuê gánh hát về làng (trừ khi hát theo lệ). Kế đến là phân công chịu trách nhiệm từng mặt cả việc chi phí cho hát bội, bầu bồi bái (tức ông cầm chầu). Người cầm chầu phải có đạo đức tốt, phải con cháu nhà tộc lớn, họ to mới đủ điều kiện và uy tín làm người cầm chầu. Sau đấy mới mời gánh hát về tựu rạp, chọn tuồng để diễn. Việc chọn tuồng là hết sức quan trọng vì nếu không phù hợp với nguyện vọng của làng thường bị dân làng phản ứng, không ủng hộ. Do vậy, chọn tuồng để diễn là một trong những khâu quan trọng bậc nhất của Hát Mục đồng ở làng Phong Lệ.

Đúng giờ đã chọn, gánh hát tựu rạp.

Rạp được làm trước sân đình bằng tre gốc, gốc tre trở ngược lên trên còn ngọn thì chôn xuống đất [18]. Công đoạn treo phông, màn được gọi là trướng thành, cùng với trướng thành là đặt bàn tổ hát bội. Bàn tổ được phủ khăn điều để một bên rạp hát.

Mọi việc chuẩn bị xong đâu đấy, kế là lễ cúng tổ sư ngành hát bội và cúng âm hồn, xứ đất. Trước bàn hương án người ta đặt một cái trống lớn, phủ khăn đỏ trên mặt trống. Trống được đặt trên một cái giá ba chân, còn dùi đánh trống được trịnh trọng hơn, đặt trên bàn án của đình.

Bắt đầu là lễ *"xây chầu"*, vị hương lý và mọi người dự lễ hội mặc quần trắng, áo dài đen, đầu đội khăn nhiễu đượng đứng thành hai hàng quay mặt vào bàn án thực. Theo lời xướng, chiêng trống gióng lên ba hồi liên tục rồi cứ thế mà đánh. Đội nhạc cổ bát âm hòa lên bài *Tam luân cửu chuyển*.

Ông bồi bái (chủ sự), mặc áo rộng, đầu đội mão chân đi hia tiến vào đình đến trước bàn án, trịnh trọng hai tay nâng dùi trống nằm ngang trong lòng bàn tay, nhẹ nhàng đi ra sân khấu đến trước bàn án vái ba vái rồi theo hướng đã quy định có đặt chiếc trống chầu và đứng trước trống 3 mét. Xướng truyền báo cho đội hát chuẩn bị sẵn sàng để hát. Bồi bái cầm dùi trống khoán xuống đất, nơi ông sẽ đứng đánh trống, đoạn bước vào ngay chỗ khoán, kế đến là khóa

[18] Theo các cụ ở làng Phong Lệ cho biết , gốc tre được đưa lên trên có ý nghiã rằng: đào, kép hát tuồng do phân vai cha có thể đóng vai con và ngược lại. Có khi con đóng vai công chúa, nữ hoàng, mẹ đóng vai nô tỳ, nông dân hạ bộ...Khi hát con gọi mẹ, cha phải bẩm thưa, dạ...Vì thế mà khi làm sân khấu cho rạp hát có tục trở đầu tre nhằm biểu hiện không chấp nê khi sắm vai hát.

trên mặt trống,[19] dùng dùi trống khỏ trên mặt trống rất khẽ 7 tiếng,[20] rồi đưa thẳng tay, miệng đọc chú đánh một dùi thật nặng vào mặt trống đang còn phủ chiếc khăn điều. Vừa đánh trống, vừa dùng tay nắm lấy khăn điều quấn dùi trống, vừa đánh vừa quấn, miệng lâm râm lời chú của bài phú xây chầu. Mỗi tiếng phú đi kèm một tiếng trống. Ba câu phú ứng với ba hồi trống, hồi trống dài hay ngắn là do đọc bài phú xây chầu nhanh hay chậm quyết định.[21]

Trống dứt, ông bồi bái tháo khăn điều quấn tượng tổ ngành hát bội, cùng lúc quay mặt tượng nhìn thẳng vào bàn án đình. Kịp lúc *học trò gia lễ (lễ sinh)* xướng *Phụng tiến ca viên*. Nghe tiếng trống

---

[19] Bài khoán trên mặt trống như sau:

Tiên hoạ tứ tung
Hậu họa ngũ hoành
(Trước họa bốn dọc
Sau họa năm ngang)

Sau đấy là hình thức khoán: vẽ khoán, vòng ba vòng , phược. Đây là thành tố có tính dị đoan. Nên bỏ.

[20] Khẽ rất nhẹ 7 tiếng trên mặt trống theo vị trí 7 ngôi sao trong chùm sao Bến lái. Người xây chầu vừa đọc vừa khẽ:

Nhứt ngũ thất trực như huyền
Nhị tứ lục diệt kham biên
(1,5,7 thẳng như (cái) dây, 2,4,6 cũng thẳng, quay trở lại 3). Dị đoan!

[21] Bài phú xây chầu: "Tứ tung ngũ hoành
Ngô đương xuất hành
Võ vương vệ đạo*
Đương ngô giả tử
Bối ngô giả vong
Cấp cấp như luật lịnh"

Dịch:

Bốn dọc năm ngang
Ta đang làm việc
Võ vương hộ vệ ta
Trước mặt ta thì chết
Sau lưng ta phải bị diệt
Mau mau như luật lịnh (của ta).

---

*Võ Vương Nguyễn Phước Khoát.

và lời xướng, tất cả đào kép của gánh hát sau sân khấu *dạ* một tiếng đồng thanh thật lớn, rập ràng hòa theo âm thanh tấu lên của trống, chiêng, thanh la và phường đội nhạc cổ bát âm. Đội nhạc cổ bát âm thong thả chuyển âm thanh sang điệu *Khai trường*. Chủ bái đánh ba tiếng trống, rồi sáu tiếng tiếp theo, đấy là hiệu trống *Lôi tam Lôi lục,* đây là tín hiệu báo cho đào kép hóa trang.

Trống dừng lại ở đây, chủ bái vẫn còn đứng trước trống chầu, lúc bấy giờ đội nhạc cổ bát âm chuyển sang điệu nhạc *Nghinh*. Điệu nhạc *Nghinh*, một mặt nhinh những thần linh đanh thờ tại đình, mặt khác được hiểu nghinh những đại diện Tổng, Hạt, Xã, Làng ... đến dự lễ hát.

Tiếng trống *Lôi tam, Lôi cửu* giục lên là dấu hiệu có ý nghĩa báo hỏi đào kép sau sân khấu đã chuẩn bị xong hay chưa. Nếu đào kép đã chuẩn bị xong thì trả lời lại bằng hiệu trống *Lôi tam, Lôi lục,* nếu chuẩn bị chưa xong thì chưa đánh trống trả lời. Nhạc bát âm chuyển theo các làn điệu hát ca (theo tuồng). Để chuẩn bị hát, có hai kép hát đã hóa trang nhập vai, bước ra thủ lễ bốn bái trước bàn án thờ Tổ ngành hát bội. Xong lễ, bồi bái đánh *khen thưởng* bằng ba tiếng trống, kèm với một ít tiền.

Bồi bái đến lúc nầy mới được ngồi xuống ghế đã đặt sẵn trước trống chầu.

Tiếp đến là cử hát lễ mở màn cho buổi hát, một kép đại diện cho cả gánh hát bước ra sân khấu và hát:

-Cá phơi vi giỡn nguyệt
Chim xòe cánh hưởng sương
Mừng nay quốc phú dân cường
Phỉ bấy phong điều võ thuận.

Thường, trong một buổi hát bội trước sân khấu có đặt hai trống chầu, bên phải của sân khấu là chầu *Cái*, bên trái là chầu *Lèo.* Chầu

Cái chỉ chủ bái và các già làng của địa phương có tổ chức hát bội mới được đánh, còn chầu Lèo dành cho tứ dân, quan khách hoặc người từ các xã hiệu lân cận mộ điệu đến xem thì có thể đánh chầu Lèo. Khi đào kép hát hay, người bốn phương mộ điệu đến xem muốn đánh trống phải liên hệ Ban tổ chức để mua thẻ, một người mua bao nhiêu thẻ cũng được, đoạn dùng thẻ đó thế tiền ném lên sân khấu để được đánh trống, hết thẻ gác ngang dùi trên trống, nhường cho người khác. Đào kép nào nhận được thẻ, giao lại thẻ cho Ban chủ sự để nhận tiền thưởng của người xem.

Trước khi kết thúc một đêm diễn phải có đoạn hát *"Định đô"*, (thường là vậy), nội dung của đoạn định đô là phải giết cho được nịnh thần hoặc dẹp xong quân giặc ngoài biên tái hoặc dẹp yên hiềm khích bất hòa trong triều chính...và tôn tân vương hoặc đề cao ân đức của nhà vua hoặc của triều đại... Ví dụ một câu hát định đô như sau:

-Biên thùy đà dẹp yên quân giặc
không còn dấy động can qua
Truyền bá quan an vị
Truyền nội thị đãi yến bá quan
Nay nước nhà đà thạnh trị,
lấy đức rải bốn phương,
ra ân nhuần trăm họ.

Tất cả đào kép trên sân khấu đồng xướng:

-Van tuế...Vạn...vạn...tuế...!

Màn khép lại, chầu bãi một hồi trống thật dài.

Lễ hội đấu vật làng Giáng Đông

Năm Thành Thái thứ III, để thuận lợi trong việc cai quản canh điền, tá thổ, làng Phong Lệ được tốt, cả một vùng rộng lớn của Đà Ly xứ

xưa kia được chia tách ra thành nhiều làng: Quá Giáng, Giáng Đông…Phong Lệ. Không phải sau khi chia cắt đất đai lập làng Giáng Đông mới có tục đấu vật, mà trước đó đã có tập tục này gắn liền với "*Phong Lệ mục đồng*…" rồi. Ông Trần Công Hoài (66 tuổi) người dân sống lâu năm tại làng đã từng được nghe các cụ xưa kể về đấu vật. Theo cụ, sự tích đấu vật của làng như sau:

Tập tục đấu vật có từ xa xưa, nhằm cầu cho mưa thuận gió hoà, mùa vụ thu hoạch được nhiều, làm ăn nông tang phát đạt. Cứ ba năm đến ngày quy định, làng thông báo cho các chư phái tộc tham gia hội thi đấu vật. Mỗi tộc họ chọn ra một người già (nhưng còn đi quyền được) của tộc họ mình ghi tên thi đấu. Sau keo đấu khai hội của các cụ xong, đám thanh niên trai trẻ trong làng mới bắt đầu vào cuộc lễ hội đấu vật. Tương truyền rằng trong keo đấu vật khai hội cho làng, hễ cụ nào đấu thua thì thế nào trong năm ấy cũng qua đời. Từ đó, lời truyền trong dân rằng cứ ai tham gia thi đấu vật có sự chứng kiến của thần linh trong đình mà thua thì thế nào trong năm ấy cũng chết, hoặc không cũng phải trãi qua một cơn bệnh thập tử nhất sinh. Đấy là điềm hệ trọng!

Đấu vật cứ ba năm đến lệ một lần được tổ chức trên một vuông đất rộng tại vườn nhà ông Canh. Tại đây, đám thanh niên trong làng thường tập trung lại học võ, đi quyền, múa gậy chuẩn bị cho cuộc thi.

Vào một buổi chiều trong một lần đấu vật, thi tài giữa hai cụ già trong làng, không rõ nguyên nhân từ đâu, sau khi thi đấu xong một thời gian có một người chết (tương truyền là cụ Biện Lương). Dân trong làng kinh hãi, lập bàn thờ cúng, tế cụ và thần linh. Để tưởng nhớ các vị đã quá cố tại vườn võ ông Canh, những người đam mê đấu võ, đi quyền hẹn nhau cứ 3 năm, chọn ngày 12 tháng 3 âm lịch [22] là ngày lễ hội đấu vật của làng Giáng Đông. Bà con trong

[22] Trước Lễ hội Mục đồng chừng nửa tháng.

làng đứng ra tổ chức đấu vật trên tinh thần thượng võ, không có yếu tố hơn thua. Không khí buổi đấu vật vui tươi và cởi mở. Đấu vật tại làng Giáng Đông từ đó lan đi khắp các địa phương trong huyện [23].Theo đó, đấu vật làng Giáng Đông có thể sánh ngang với lễ hội Phong Lệ mục đồng.

Đấu vật (Ảnh minh họa - VVH)

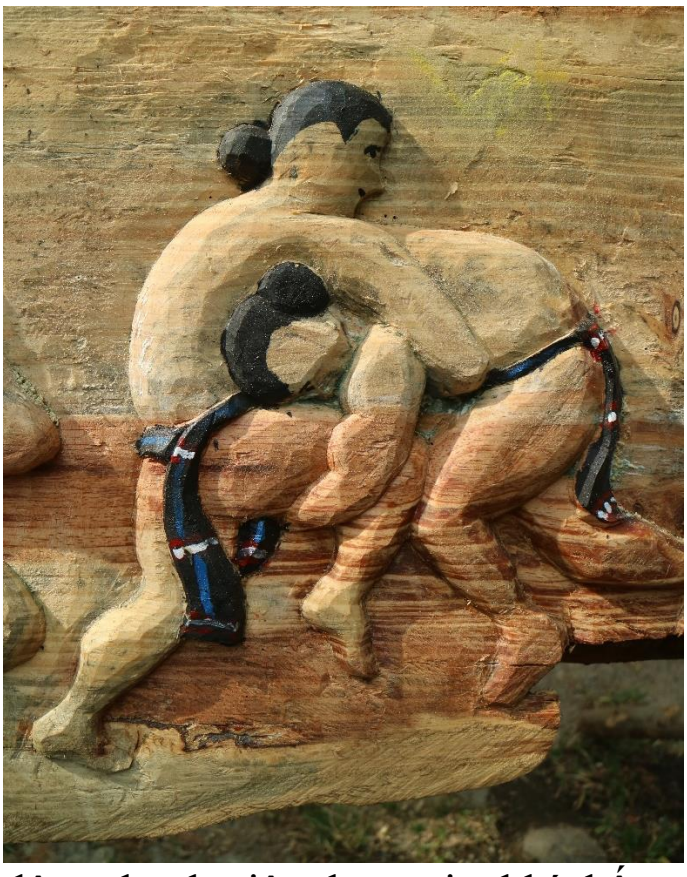

Lễ hội đấu vật ảnh hưởng sâu rộng trong làng, trở thành lệ tam niên, cuốn hút thanh niên luyện tập võ nghệ, không chỉ để thi đấu mà còn rèn luyện thân thể. Năm 1945, để chuẩn bị cho cách mạng tháng Tám 1945, nơi vườn nhà cụ Canh là một trong những địa điểm tập kết thanh niên tập võ bằng gậy gộc, rèn luyện quân sự chuẩn bị cho nhân dân tổng Thanh An nổi lên giành chính quyền. Những lần tập võ tại vườn, lần nào cũng thu hút số đông thanh niên tham gia, khí thế vui nhộn và hào hứng.

Theo các cụ già làng Phong Nam, "đấu vật" gắn liền với "rước Thần Nông", nhân dân Phong Lệ sau khi dự lễ hội mục đồng xong là có thể nhanh chân xuống làng Giáng Đông xem các cụ già so tài cao thấp qua bộ môn vật cổ truyền người Việt. Hoặc cũng có thể

[23] Theo các cụ già Ngô Tấn Nhã (Tư Nhã) cụ Lê Kim Chúc, cụ Ông Văn Hoá, Ông Văn Từ… làng Phong Lệ xưa, nay là Phong Nam, thì làng Giáng Đông đấu vật cùng thời điểm với lễ rước mục đồng tại Phong Nam và theo lệ 3 năm tổ chức một lần. Nhưng theo ông Trần Công Hoài, Trưởng thôn Giáng Đông thì đấu vật tổ chức vào ngày 12 tháng 3 âm lịch và tổ chức hằng năm.

xem xong đấu vật lại ngược lên vườn Lãng, Phong Lệ xem Lễ hội Mục đồng. Bởi lễ hội diễn ra 2 ngày 3 đêm nên việc người tứ lân mộ điệu đi xem cùng lúc 2 lễ hội lớn trong vùng vẫn có thể tranh thủ được.

Có người tìm hiểu về lễ hội này và cho rằng đây là lễ hội "hát vật", tức vật trước hát sau.

Tuy nhiên, qua tìm hiểu lễ hội "Phong Lệ mục đồng", điều ghi nhận là những người già tại Phong Nam hiện nay đều cho rằng "đấu vật" diễn ra cùng thời điểm với lễ rước Thần Nông. Tại một miếng đất gần đình làng Giáng Đông diễn ra đấu vật. Để tổ chức lễ hội được tốt, làng Giáng Đông phân công cho những người nông dân sản xuất trên những miếng ruộng tự điền gọi là ruộng công quân cấp, theo lệ phải lo đủ phẩm vật tế lễ tại đình và chuẩn bị phần thưởng cho những ai đấu vật thắng cuộc. Theo cụ Nguyễn Hiển (84 tuổi): *"Năm nào có tổ chức đấu vật, làng Giáng Đông vui như hội. Ngay trước khi diễn ra lễ chính thức, không khí làng đã khác hẳn, người ta chuẩn bị đủ thứ, từ chuyện nhỏ đến chuyện lớn. Còn con nít thì tụm năm, tụm ba bàn tán xôn xao…"*.

Thế nhưng, để tổ chức đấu vật thành công không phải chuyện dễ, công tác được chuẩn bị diễn ra trước đó cả tháng trời mới có thể có điều kiện mở hội theo lệ được. Để đấu vật, theo tục tại làng, 12 chư phái tộc phải cắt đặt người tham gia, chọn các cụ già nhưng phải có sức vật một đến hai keo. Mỗi kỳ tổ chức đấu vật, làng cử 2 tộc họ đến phiên chọn 2 cụ già mạnh khoẻ, có thể tham gia vật mở màng cho thi đấu. Cứ luân phiên như vậy, hễ đến kỳ, đến phiên là chuẩn bị… Sau khi được chọn lựa, đề cử, các cụ bắt tay ngay vào việc luyện tập thân thể, luyện võ, đi quyền, tập vật để thi.

Đến ngày thi thố tài năng, làng chọn một miếng đất gần đình làng làm nơi trổ tài.

Trước khi thi đấu, làng Giáng Đông có tổ chức nghinh thần từ vườn ông Canh về đình làng, kế là tổ chức lễ rước sắc từ nhà ông Thủ sắc về đình làng. Trong lễ rước, có 4 thanh niên mạnh khoẻ khiêng bàn hương án được kết các loại lá dừa, lá cây ngâu trên khung tre thành hình tứ quý: long, lân, quy, phụng. Sắc được vua phong cho người có công khai sáng làng xã hoặc có công với đất nước, khi rước sắc trong bàn án đặt bài vị của thần. Nếu rước sắc vua phong một thần nào đó chung chung, chẳng hạn vua phong *"Dực bảo trung hưng thượng đẳng thần"* thì chỉ có nồi hương và hòm đựng sắc phong. Đi trước đoàn rước là trống lịnh điểm nhịp, theo sau là hai hàng gươm giáo, có cả biểu tượng của chiếc kiếm và cây bút lông nắm trên tay được cắm trên một cán đưa lên cao (người địa phương gọi chung các loại giáo mác…này là "Lỗ bộ"), đến cờ làng hai bên có từ 4 đến nhiều cây và các vị hương chức trong làng, áo dài khăn đóng chỉnh tề nghiêm trang đưa thần về đình làng dâng lễ. Đi trước là đội trống, chiêng và nhạc bát âm (đôi khi không đủ bát âm) tấu bài nhạc mừng. Tư lễ xướng:

-Khởi chinh cổ

-Nhạc sinh khởi nhạc

(…)

Trên đường rước sắc từ nhà vị Thủ sắc về đình, có mang theo bản nhỏ ghi chữ "túc tịnh" dẫn đầu đi trước cho người dân biết mà giữ trật tự, im lặng.

Đám rước về đến đình làng, Tư lễ lại xướng:

-Chước tửu

-An chư thần vị.

Vị chủ tế im lặng, kính cẩn mang hòm đựng sắc và bài vị của thần đặt vào bàn án đình. Đoạn, thắp hương, đèn sáp màu đỏ khắp

ba gian đình. Tại thời điểm này có lễ vọng. Vị Chủ tế đứng trước gian trung đình, đọc:

- Tư nhơn, hạ thiên lệ hữu, cầu phong điều võ thuận, kiền dụng phẩm vật tư thành…

Để tăng thêm phần vui tươi cho lễ đấu vật, các nho sinh, giới mục đồng làm các loại lồng đèn, nhiều nhất là lồng đèn bánh ú, dễ làm ít tốn kém, lại gọn. Lồng đèn có chức năng soi sáng khi đêm xuống, đồng thời tạo cho lễ hội thêm lung linh huyền ảo đêm trước lễ đấu vật, tạo không khí lễ hội cho nhân dân tham gia. Lồng đèn còn dùng vào việc tham gia rước thần và rước sắc . Trước khi rước sắc, lồng đèn được tập trung về đình có ban chấm chọn xếp loại và có thưởng bằng tiền. Ngay trong lễ rước thần đã có dân làng đến xem thật đông, tạo cho lễ hội thêm vui. Thần và sắc rước về đến đình, tại đây có ban nhạc bát âm tấu lên điệu nhạc Kim tiền mừng vui nhộn nhịp. Khi dâng lễ lên thần, chiêng trống của làng và các chư phái tộc được gióng lên lan toả, trầm hùng. Không khí lễ hội bắt đầu. Cùng với nhịp chiêng dài, lời hát ngợi ca được ngâm lên:

Cẩm tú sơn hà thoại khí sinh
Thạnh đức đổ hoá sinh chương thổ võ
Thổ võ sơn hà thọ chung linh
Làng ta phong cảnh tốt xinh
Đình chùa miếu võ anh linh huy hoàng
Muốn cho mỹ tục vinh quang ngày rày
Có xưa thời mới có nay
Cảnh tình phong nguyệt vui thay nhộn nhàng
Cõi văn minh đèn sáng rực đàng
Bờ thổ võ dân tình nghinh rước
Để nhớ lại ông cha khi trước
Đánh nhà Thanh gìn giữ cõi bờ
Hà hí ha…hà hí ha…

Người dân làng Giáng Đông truyền rằng, đây là bài thơ do ông Trí Nho là một vị đồ nho dạy học trong làng sáng tác nên. Rước sắc từ nhà Thủ sắc về đình, đám rước vừa đi vừa hát, đến đình mới thôi.

Để bắt đầu tổ chức đấu vật, làng Giáng Đông chuẩn bị một lão làng chỉnh tề y phục áo dài khăn đóng, mang guốc xà lang hoặc sang hơn có đôi giày hạ ngồi cạnh bên miếng đất vuông dùng cho thi đấu phụ trách trống chầu cổ động thi tài. Trên mặt trống phủ một miếng vải đỏ. Giờ khai cuộc được xem xét đâu vào đấy. Đến giờ tựu hội, vị cầm chầu đánh một hồi trống lại ba dùi. Đúng thơi điểm đó, hai vị già làng đại diện cho hai họ trong làng cởi trần, quấn khố thủng thẳng ra sân trong tiếng vỗ tay động viên vang một góc làng.

Bắt đầu đấu vật, để ra uy họ đi quyền, nhưng đi ba bộ. Xong quyền là vật. Thường quy định của lễ hội là vật ba keo. Ai thắng đều có thưởng. Ai thua, theo quan niệm thời bấy giờ cả năm đó họ hàng làm ăn không nên nổi, người đại diện cho giòng họ tham gia đấu vật có thể không toàn mạng.

Sau keo vật của hai cụ già, kế đến là các chàng trai thanh niên lực điền trong làng tiếp tục ra sân thi đấu. Cuộc thi có năm diễn ra cả ngày mớI phát thưởng được.

Sau hội đấu vật có thể có hát bội, có thể không tuỳ năm theo lệ "Tam niên nhứt lệ". Năm nào có hát bội, ngay trước sân đình người mộ điệu đến xem rất đông. Dọc theo hàng tre dẫn về đình, người ta bày bán xôi, chè, khoai, sắn, thuốc lá Cẩm Lệ, mì Quảng… Cụ Từ Thị Tam (76 tuổi) quê tại Giáng Đông kể rằng đến ngày lễ hội thi đấu vật, người đông không đếm được, các làng quanh đây cũng tề tựu về xem thi đấu. Cánh đồng Giáng Đông vừa mới cuốc rang, việc còn đang rảnh, nên dự xem rất đông.

Nay, *Giáng Đông đấu vật* đã thất truyền. Năm 1936 (Bính tý) là năm cuối cùng làng Phong Lệ tổ chức rước mục đồng, từ đó người mộ điệu các làng lân cận không còn có cơ hội được xem lễ

rước mục đồng tại làng Phong Lệ, và đấu vật tại Giáng Đông được nữa.[24]

Lễ hội hạ điền vùng Hoà Vang

Quảng Nam xưa kia phát triển kinh tế thuần nông nghiệp nên việc chọn thời vụ thích hợp để tiến hành cầy cấy, gieo trồng là cần thiết. Có được một vụ mùa tốt, sản lượng cao người dân đất Quảng cũng còn nhắm vào các yếu tố thiên thời, địa lợi, nhân hoà. Vì thế nên trước khi xuống đồng cày cấy, ở Quảng Nam - Đà Nẵng có lệ xuống đồng. Trước khi có lễ xuống đồng đã tổ chức cúng Thần nông, mong cho mưa thuận gió hoà, được mùa, tăng vụ. Vùng Điện Bàn, Hoà Vang, Đại Lộc trước đây tục lệ nầy thường xuyên được tổ chức hằng năm, mãi đến khi tư tưởng "*nông vi bản*" không còn độc tôn nữa thì lệ tổ chức một lễ hạ điền cũng theo đó mà chấm dứt.

Tục hạ điền ở vùng đất Quảng xưa mỗi nơi tổ chức mỗi khác có nơi chỉ lễ mà không hội, có nơi tổ chức cả lễ lẫn hội. Lấy ví dụ một cách hạ điền ở vùng Cẩm Lệ, Cẩm Nam, Lỗ Gián, Phong Lệ xưa để tìm hiểu một tục lệ của thời kỳ *nông vi bản.*

Cứ vào ngày 1 tháng 10 âm lịch hằng năm (trừ những năm nhuần) các cụ ông, cụ bà và thanh niên trai tráng lực điền trong các làng trên tập trung về miếu Thần nông (có làng là miếu Tam vị, tại Cồn thần, hoặc tại một khỏan đất được cho là nơi Thần nông linh hiển) để làm lễ hạ điền bắt đầu triển khai cho một vụ mùa mới. Mỗi gia đình kể cả quan chức trong làng phải chuẩn bị một con gà trống mập mạp làm sẵn thành phẩm, một bát xôi thơm (nếp được giã thật kỹ mà không xay).Vào tửng sáng, theo hiệu lệnh bằng ba hồi trống, dân làng tập trung về Cồn thần, nơi có lăng mộ Thần nông trên một vuông đất rộng chừng một sào để dâng lễ. Trong một lễ hạ điền vùng

[24] Theo tài liệu sưu tầm của Phạm Hữu Đăng Đạt. Tạp chí Non Nước số 120 tháng 4 năm 2007.

ngoại thành Đà Nẵng như đã nói trên không có văn tế và học trò gia lễ.

Lễ bắt đầu bằng việc người hội chủ đội mũ lễ sinh thay mặt dân trong làng đứng ra hành lễ, dân làng đứng quanh lăng mộ (hoặc miếu thần) để nghinh lễ. Chước tửu tuần thứ nhất đã qua, sắp đến tuần rượu nhì, bộ phận tư lễ cho đốt một phong pháo mừng thần giáng. Xong tuần rượu thứ nhì, ông hội chủ bước xuống ruộng gần nơi hành lễ cấy tượng trưng chừng 4 mét vuông ruộng với năm bó mộng (mạ) vừa tay, (năm bó mộng tượng trưng cho ngũ hành: kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ) sao cho sau khi cấy mộng còn thừa mới tốt. Diện tích cấy trong buổi hạ điền nầy được dân làng giao cho một người nào đấy quản lý, chăm sóc, đến khi gặt hái mang về cất giữ mãi đến cuối tháng 8 âm lịch, làng có lệ cúng cơm mới lại đem số lúa này xay giã nấu thành cơm dâng lễ cơm mới tại miếu Thần nông. Lễ nầy có các thành phần dân cư trong làng tham dự.

Sau lễ hạ điền tại miếu Thần nông, người dân trong làng tiến hành họp dân tại đình làng, bàn về việc làm ruộng, tiến hành vụ mùa, trao đổi kinh nghiệm và tổ chức hội vui chơi trước khi xuống đồng. Tại đình người ta còn bàn với nhau chuyện hành chánh của làng, chuyện đánh lộn, chuyện mẹ chồng nàng dâu, chuyện chửi bới nhau trong xóm, chuyện nhà cháy, chuyện kiện thưa, trộm cắp... Nhưng nổi lên vẫn là chuyện làm ăn nông tang cày cấy, dân làng lại bàn đến chuyện giống má, loại chịu úng, loại chịu hạn, loại giống cho năng suất cao... Tại đây người dân trao đổi giống lúa, khoai, sắn, bí, bầu cho nhau, ai có loại giống tốt, năng suất cao được nhiều người thăm dò trao đổi. Họ thoả thuận nhau một cách bằng lòng, vừa ý. Đây được xem như một hợp đồng bằng miệng không có công chứng, thế nhưng trong nhân dân luôn giữ được lời hứa, sao cho đến sau ngày 23 tháng 10 âm lịch tất cả đã được trao đổi như hợp đồng để có cây, con giống bắt đầu một vụ mùa mới.

Hội vui chơi còn kéo dài suốt cả đêm, thông thường các hình thức như hát hò khoan đối đáp, thi đấu võ trong thanh niên nam nữ, đấu vật trong giới lão ông, đẩy cây, kéo co... đến sáng mới giải tán.

Sau lễ hạ điền, người nông dân vùng ngoại thành Đà Nẵng: Cẩm Lệ, Cẩm Nam, Lỗ Gián, Phong Lệ, Miếu Bông... bắt đầu vào một vụ mùa mới với hy vọng sẽ được Thần nông giúp đỡ cho một vụ thu hoạch khoai lúa đầy nhà.

Trong hai tháng sau hạ điền, người dân trên khắp cả xứ phải tranh thủ thời vụ, cấy, gieo kín cả cánh đồng không một đám ruộng nào được bỏ không, nếu bỏ trống, chủ ruộng sẽ bị làng bắt phạt. Vì thế những ngày mùa là rất bận rộn, vần công, đổi công diễn ra tuy như bình thường song rất khẩn trương từ trong nhà ra xóm đến làng.

Đập lúa Ảnh tư liệu)

Lễ hội đua ghe làng Cẩm Lệ

Trước 1945, huyện Hòa Vang thường tổ chức lễ hội đua ghe hàng năm trên sông Cẩm Lệ. Đây là một tục lệ lâu đời gắn liền với vùng đất vừa có sông, vừa có gò đồi, ruộng đồng, phản ánh sinh hoạt nghề nông, vừa là nghề sông nước.[25]

[25] Các sách "*Thủy kinh chú", "Giao Châu di vật chí"* viết rằng "*Người Việt thạo thủy chiến, giỏi dùng thuyền"*, song chưa có sách nào ghi tục đua thuyền ngày Tết của nhân dân Việt Nam có từ bao giờ. Tác phẩm đề cập đến việc đua thuyền ở Việt Nam sớm nhất là cuốn

Hội đua ghe trên sông Cẩm Lệ là một trong những lễ hội có tiếng tạo nên ấn tượng lâu dài trong nhân dân huyện Hòa Vang. Huyện lỵ Hòa Vang một thời đóng tại Hóa Khuê Trung tây vì thế mà hội đua ghe tổ chức trên sông Cẩm Lệ có khả năng ảnh hưởng đi xa.

Hằng năm, cứ vào 25 tháng giêng âm lịch, dân huyện mà gần và trực tiếp là làng Cẩm Lệ bước vào lễ hội đua ghe. Thường cứ ba năm mới tổ chức đua lớn một lần (tam niên nhứt lệ), hai năm chen kẽ có tổ chức đua, song chỉ đua vừa và nhỏ. Đoạn sông chọn làm nơi thi tài chèo lái nằm sát làng Cẩm Bắc. Nơi đây, nếu đứng trên cầu Cẩm Lệ nhìn về phía tây, con sông hiện ra bên lở bên bồi ngoằn ngoèo trước mặt, cảnh làm ăn trên bến dưới thuyền diễn ra sinh động (cát, sạn, hến...) dập dồn. Một bãi bồi hình móng ngựa ăn ra đến tận giữa sông, đấy là bãi La Hường, bên trái là cồn cỏ. Trừ những ngày ngập lụt, những ngày khác trong năm, bãi luôn được phủ xanh bởi hoa màu: lúa, khoai lang, sắn, đậu, mè, dưa, ớt, su bông, cà, mướp, cải, bí đao, bí rợ,...có cả mía mưng và thuốc lá nữa. Nhìn xuống phía đông, một cồn cát án ngữ trước mắt gọi là Cồn Lôi, Cồn Lôi giáp với Cồn Dầu (Hòa Xuân). Trên cồn, xa xa thấp thoáng trong hơi nước là "Lăng ông ngư"[26]. Ven theo chân Cồn Lôi là nơi quy tụ dân chài có nhiều ghe, rớ, ngao định cư và sống bằng nghề sông biển. Vì thế ngày trước nơi đây gọi là Vạn Sơn Thủy hay còn gọi là Vạn Rớ Lỗ Sài. Vạn Sơn Thủy bao gồm các làng rớ: Hóa Sơn, Tuyên Sơn, Lỗ Sài, Cẩm Bình, Thủy Lục[27]. Họ sống bằng

---

"Đại Việt sử ký toàn thư", sách nầy chép *: Ngày 15 tháng 7 năm Ất dậu (985), nhân sinh nhật của vua Lê Đại Hành, nhà vua sai người làm thuyền, bên trên là núi Giả Sơn rồi tổ chức lễ đua thuyền trên sông Hoàng Long, thuộc huyện Gia Viễn, Ninh Bình. Kể từ đó đua thuyền trở thành lệ hằng năm.*

[26] Lăng ông ngư: nơi thờ cá voi (cá ông).

[27] Sau Cách mạng tháng Tám 1945, ngư dân Vạn Sơn Thủy lên bờ quần cư một phần tại Cẩm Bắc (Hòa Thọ), một phần lớn lập làng Cẩm Chánh (Hòa Xuân).

nhiều nghề, đa số tồn tại với tấm lưới, tấm đăng[28], cái câu (đủ loại), rớ, ngao. Nhân dân ở đây có cuốc sống gắn liền với sông nước như vậy làm xuất hiện những tay đua nổi tiếng một thời. Đấy cũng là điều kiện để huyện Hòa Vang chọn Cẩm Lệ đăng cai tổ chức hội đua. Những chiếc ghe đua dài, nhẹ lướt nhanh trên nước cũng thường ra đi từ bàn tay lao động của người dân thuộc Vạn Sơn Thủy nầy.

Để chuẩn bị cho hội đua ghe, làng Cẩm Lệ giao một mẩu ruộng gọi là ruộng tự điền cho một người nào đó trong làng cày cấy, có khi đấu giá hoặc bắt thăm để nhận ruộng. Lợi tức của mẩu ruộng tự điền được dùng vào việc hội đua, trong đó có cả phần phát thưởng. Nói tóm lại, người nhận ruộng công quân cấp phải lo chu đáo về mặt vật chất trong lễ hội đua.

Đua ghe trên sông Hàn Đà Nẵng (Ảnh Lê Toàn)

Lệ đua, có năm đua nhỏ hoặc đua vừa gọi là năm *Sái*. Sái chỉ có lễ nhẹ vào 25 tháng 1 âm lịch, có tổ chức đua nhưng không quy mô, không phát thưởng trọng thể. Hai năm Sái cũng là hai năm vòng một để tuyển chọn và luyện tay nghề, phát triển đội mạnh, phát hiện những tay đua trẻ có tài, kịp bồi dưỡng theo dõi, nâng đỡ để vào đua chính thức chọn đội hoặc tay đua xuất sắc nhất lập đội tuyển của huyện.

---

[28] *Đăng:* giống như tấm sáo dài, đan bằng tre, cắm xuống sông vây bắt cá.Trước khi mở đường Cách mạng tháng Tám, đăng còn sử dụng vùng cầu Vũng Đa. *Ngao:* sử dụng hai ghe ghép thành một giàn gọi là giàn ngao, có móc lưới.

Đua Sái đi liền hai năm liên tục, sau đó dồn lực lượng cho năm *Phong*, năm Phong tổ chức đua quy mô, có phát thưởng trọng thể, huyện chủ trì hội lễ. Năm Phong, đội đua nhiều, tay đua mới lạ, nhiều xã hiệu trong huyện cử đội đến tham gia. Năm Phong quy tụ chừng 15 đội.

Trước khi đua, lễ tổ chức theo nghi thức cổ truyền tại miếu Bà và có đọc bài văn tế. Nghi thức hành lễ giống như lễ tại đình làng trong tế xuân và tế thu hằng năm của làng Cẩm Lệ. Lễ bắt đầu từ tờ mờ sáng 25 tháng giêng. Sau lễ là hội đua, có năm quy tụ: Cẩm Chánh, Cẩm Bắc, Cẩm Nam, Cẩm Bình, Bình Thái, Phong Lệ, Nam Ô ... cử đội về tham dự. Dân từ các nơi đỗ về xem rất đông, tạo cho lễ hội đua ghe thêm náo nhiệt. Các tay đua là những dân chài, dân rớ lực lưỡng, đầu chít khăn đỏ hoặc xanh, lưng trần, quần cộc một màu. Mỗi ghe có 24 tay đua. Lòng ghe hẹp, đầu chạm rồng, hai bên thành ghe viền một đường diềm trông đẹp mắt và mạnh khỏe. Bình thường, đường đua dài 1 km vòng đơn, có cắm ba (hoa)[29] tiêu làm chuẩn, trên đầu cột một miếng vải rìa cho dễ nhận biết. Lệnh xuất phát bằng trống, chiêng nổi lên ba hồi liên tục do bộ phận tư lễ phụ trách, hồi trống thứ ba nhắc lại ba dùi, dùi đơn thứ ba là lệnh xuất phát. Hò chèo thuyền được hát vang lên trên mỗi chiếc ghe đua. Trong đua ghe, khó nhất là người bẻ mũi, quay đầu, do thế tay đua đằng mũi và tay đua đằng lái là hai đằng tài nghệ, cao tay mới dám cầm chèo, cầm lái. Thắng lợi của người đua, mến chuộng ham thích của người xem tùy thuộc phần lớn vào tay đua ở hai đầu, rõ nhất là tay đua đằng lái.

Đội thắng cuộc được nhận một cây cờ rìa màu đỏ cắm trên một đoạn thân chuối xem như cờ hiệu đoạt giải vô địch cuộc đua.

---

[29] *Ba*: dân gian thường gọi là *ba* thay vì *hoa*, có thể do phạm húy vợ đầu tiên của vua Minh Mạng tên là Hồ Thị Hoa mất khi 17 tuổi, mẹ vua Thiệu Trị. Sau mất, vua cha là Gia Long thương tiếc xuống dụ không được gọi hoa. *Ví dụ: hoa=ba=huê=bông; Thanh Hoa=Thanh Hóa; chợ Đông Hoa=chợ Đông Ba...*

Quá trình đua, đội do mất trớn hoặc tay lái không vững tạo nên *:"vặn hớt ba tiêu"* như thế là bị loại.

Việc trao giải cho dội nhất nhì được tổ chức trọng thể, có tổng, huyện, xã đến dự và trao giải. Dội được giải rất phấn khởi vì đấy là niềm cổ vũ động viên, đồng tời tin tưởng rằng ba năm sau làm ăn sẽ tốt hơn.

Hội đua ghe mừng xuân là lễ hội lớn của Hòa Vang, do làng Cẩm Lệ đăng cai trước 1945 là sinh hoạt hội hè có giá trị về mặt văn hóa tinh thần của nhân dân. Hội đua ghe còn là nơi phát huy tính tập thể, học tập kỹ thuật đua chèo, là nơi những tay đua giỏi nổi tiếng truyền "miếng" lại cho những tay trẻ mới vào nghề.

Hội đua ghe ở Hòa Vang - Cẩm Lệ - còn là tinh thần coi trọng nghề nghiệp trên sông nước, đồng thời cũng là dịp nhân dân chăm sóc bờ sông, sửa đắp những đoạn lở, bồi. Đua ghe còn phát huy tính độc lập tự chủ trong lễ hội, rèn luyện thủy quân. Đó là lệ hằng năm có giá trị truyền thống.

Hội đua còn là dịp nhân dân biết ơn và ghi nhớ công lao của những người có công với làng, nước. Chính vì thế hội đua ghe ở Hòa Vang ngày trước là cách nối tiếp truyền thống xưa trong vui chơi hội hè của nhân dân vào dịp mừng xuân.

Nay hội đua ghe ở Hòa Vang không còn tổ chức hằng năm nữa, thay vào đó là hội đua ghe trên sông Hàn được tổ chức mừng Quốc khánh hằng năm vào ngày 2 tháng 9.

Lễ hội rước hến xóm Đông Bàu

Thuở xưa, người Phong Lệ (trước khi chia làng) sống bằng nghề nông, chủ yếu là trồng trọt, chân lấm tay bùn hằng ngày nhưng vẫn không đủ ăn, không đủ nuôi số dân ít ỏi của làng đến ngày giáp hạt. Vì thế, họ phá núi bạt rừng, ngăn sông để tìm thêm nguồn sinh sống. Mãi đến khi chia làng thành hai nửa riêng biệt cũng vẫn chưa có gì

thay đổi cơ bản về phương thức làm ăn. Bên cạnh nghề nông, người Đông Bàu có con sông Cẩm Lệ chạy ngang qua làng nên một số dân vùng ven có thêm nghề sông biển.

Đi ngang qua vùng Phong Nam, ghé đến Đông Bàu (Xóm hến ngày xưa) vẫn còn nghe nhân dân nơi đây nói về một phương thức lao động sinh sống của mình, đó là nghề cào hến. Nhân dân Xóm hến một năm có đến hai nghề, nửa năm đầu dành cho hến, nửa năm sau là cày cấy nông tang. Vậy mà ngày xưa nếu như đến đấy vẫn hình dung được cuộc sống còn nghèo. Vùng ven sông, mái nhà làm dốc hơn, thấp hơn để chống bão. Đa số là nhà tranh với chi chít những mối buộc bằng mây giữ chặt rui mè, trên nóc lại chèn thêm những cây tre tạo nên những đường viền nhằm đè mái tranh cho khỏi tốc mái khi có gió lớn từ sông Cẩm Lệ thổi lên. Có thể nói, đấy là dáng vẻ riêng của nhà tại Đông Bàu. Mỗi ngôi nhà núp dưới một cây đa to, nhiều nhất là núp dưới những hàng tre. Núp dưới tre để chống bão, bão nhiệt đới ít khi thổi vào vùng nầy, nhưng phần nhiều vẫn là gió, có khi gió to. Tre vừa chống nóng, chống bão cũng còn góp phần làm cho xã hội an toàn.

Nghề hến là một trong những nghề khá vất vả tại đây, bởi thường xuyên ngập lặn ngâm mình trong nước để cào hến. Hến cào được gánh ra chợ Phong Lệ họp ở đầu cầu Đỏ để bán đổi gạo và các nhu yếu phẩm khác.

Bài vè sau đây còn lưu hành trong dân gian:

Sinh ra nghề hến thậm hay
Cái ruột cũng bán
Cái vỏ cũng bán
Đến tro cũng có tiền
Vợ ở nhà đi bổi cho siêng
Chàng chẻ tre bện nạo liên miên cả ngày
Cào sưa chí những cào dày
Lấy mây bện lại, công rày trường công

Ăn nhờ một chút dưới sông
Đàn bà đi bán, đàn ông đi cào
Nửa đêm thức dậy lao xao
Bà đâu cháu nấy, chồng nào vợ đây
Gà gáy đầu lửa đỏ một dây
Chồng sàng, vợ đãi, con cầm cây chụm lò
Hai bên những gióng với vò
Nghề nầy không đói đâu mà lo
Ông gia cào, thằng rể nạy
Con dâu gánh chạy
Hỏi ai mua hến hay không
Nghề nầy bén tợ như bông
Làm một ngày hai chảo hến không đủ công thuốc, chè
Mấy lời anh dặn em nghe
Thịt heo, bánh đúc, muối mè làm lơ
Tiết đông thiên vào dựa trong bờ
Trên lạnh, dưới lạnh mắt mờ da ngăm.

Con hến ở đoạn từ ngã ba sông, nơi có miếu Một (Mỹ Thị) ngược lên đến vùng ba ra An Trạch (Hòa Tiến), có đến một đoạn dài 10 km đường sông. Con hến thích nghi với vùng nước lợ. Do thế, về mùa khô nước mặn theo đường sông lên dần, có năm lên đến ba ra An Trạch, con hến cũng theo nước mà sinh sản, dần thích nghi với môi trường. Đời sống của hến là thế nên ở Đông Bàu, nghề hến tấp nập nhất vào khoảng mùng 10 tháng 1 đến 10 tháng 7 âm lịch hằng năm, cao điểm có năm tập trung từ tháng 3 đến tháng 6. Sáu tháng làng Đông Bàu vào đợt cào hến, mọi công việc nông tang gác lại, dành thời gian cho nghề sông biển.

Con hến theo vùng nước lợ mà sinh sống và phát triển, cho nên, vào tháng giêng đầu mùa hến, người dân Đông Bàu phải bơi ghe ra tận Gảnh[30] - vùng ngã ba sông - (Người Đông Bàu thường

[30] Gảnh: gành=chỗ bờ biển hay bờ sông cao và nhô ra phía trước.

nói: “Ra đến tận Gảnh ngoài Hàn”). Ở vùng sông nầy, đầu mùa hến thường là hến xéo. Hến xéo nhỏ chưa ngon, là loại hến còn sót lại của mùa năm trước theo nước lợ về tụ tại đây. Ở đấy con hến sống đợi chờ suốt 6 tháng mùa mưa để đến tháng giêng khi mùa khô là bắt đầu là sinh sản.

Tháng hai đến tháng ba, nước sông Cẩm Lệ cạn dần, con hến cũng theo đó mà lên cùng với nước lợ. Quá trình dịch chuyển, hến phát triển nhanh chóng nằm sắp lớp dưới lòng sông, bám vào rong rêu mà sống. Càng ngược lên, hến lớn dần và tròn trịa, vỏ có màu xám pha vàng, ruột hến đầy đặn. Giai đoạn nầy con hến đạt chất lượng nhất trong mùa. Tháng 5,6 có khi con hến lên đến tận cây da dù ở Chu Bái, Lạc Thành (Hòa Phong, Hòa Vang) để phù hợp với môi trường sinh sống. Tại đây hến đổi màu, có màu sậm đen, thân hến lớn hơn.

Hến vùng nầy cũng là hến cuối mùa, lạt lẽo gọi là hến trâu. Thời gian nầy thường có những trận mưa giông đổ vào chiều, nước từ nguồn xuống xiết, đẩy hến lùi dần đến tận cửa sông. Hến trâu không xuống kịp thường chết giữa dòng nước bạc.

Đầu tháng 7, nhân dân xóm hến gác xếp dụng cụ hành nghề cào hến, chuẩn bị chuyển mùa sang ruộng, rẫy. Trước khi gác dụng cụ, nhà nào ở Đông Bàu cũng có tục tạ sông. Lễ tạ sông giữ lệ đúng ngày 10 tháng 7 âm lịch hằng năm.

Nghề hến có sự phân công nhau trong quá trình sản xuất. Mỗi người một việc đảm nhiệm từ đầu đến cuối. Cứ theo bài vè ghi lại không gian, thời gian, nơi chốn khi tiến hành cào hến thì đủ biết rằng nghề hến bận rộn biết bao. Không kể ngày đêm, cứ tranh thủ theo nhịp điệu lên xuống của thủy triều, nơi giao lưu giữa nước mặn và nước ngọt để hành nghề, điều kiện môi trường như thế nên cả xóm Đông Bàu lao động khẩn trương trong mùa hến.

Quá trình làm hến phải chuẩn bị bổi[31] đun, việc nầy giao cho một người chịu trách nhiệm và thường không thay đổi. Lại có người chuyên lo bện dụng cụ dùng để nạo, thường được phân cho những người có khả năng làm nghề mây, tre làm chủ chốt thực hiện. Công việc đun lửa, chụm lò giao cho con em trong gia đình đảm trách.

Sau một, vài giờ cào hến, ghe đầy hến, cập bờ, người gánh ra chợ bán, người xúc đổ vào chảo nấu chín đãi lấy ruột cho vào vò thong thả sẽ bán sau. Tất cả các thao tác trên là cả một dây chuyền trong sản xuất. Nếu không tổ chức tốt, có thể dẫn đến thất thu. Một ngày cào được hai chảo hến đã là năng suất cao. Mùa hến đến, ban đêm dọc theo bờ sông bắt đầu từ gà gáy đầu đã thấy đèn đuốc sáng trưng. Cảnh tấp nập diễn ra trên bến dưới thuyền, đâu cũng vang lên tiếng gọi lao xao nhộn nhịp.

Người dân Đông Bàu trước khi tiến hành cào hến thường có lệ là tổ chức rước hến, sau đó mới đưa ghe thuyền và dụng cụ xuống sông. Lễ rước vào ngày 10 tháng 1, sáu tháng sau, đến mùng 10 tháng 7 là lễ tạ sông. Đây là tục lệ tiến hành đúng như quy định của xóm.

Lễ diễn ra một lần vào tiết mùa xuân, khí trời còn se lạnh, có năm gió bấc vẫn còn thổi lơ phơ. Nước sông Cẩm Lệ lờ đờ, vận tốc dòng chảy chậm dần. Mùa hến bắt đầu. Lễ rước tiến hành.

Trước khi cử lễ vài ngày, cả xóm Đông Bàu chung sức kết hai ghe làm một, trên ghe trang trí đẹp mắt, có đến 6 cây cờ xéo (cờ rìa) đủ màu: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen...cắm hai bên thành ghe. Quanh thành ghe trang trí các loại mô hình: khủng long, thủy long, cá ngựa, hến, sò...Tất cả kết bằng lá dừa, hoặc bẹ chuối, cây ngâu, chè tàu...sao cho đẹp mắt là được, trông như một chiếc thuyền hoa rực rỡ giữa sông.

[31] Bổi:củi đun

Trên ghe, người ta ghép, đặt một cái bàn có hương án, bài vị. Lễ rước có cử chánh bái, tư lễ, trống, chiêng đi kèm. Ghe rước xuất phát từ xóm Hến, ngược dòng đến An Trạch, sau đó quay xuống tận miếu Một[32]-vùng ngã ba sông, đoạn, quay lại xóm Hến và lễ chấm dứt tại đây.

Trên đoạn đường dài 10 km đường sông, ghe đi chậm. Trống, chiêng, cổ được Ban chấp kích khởi lên đều nhịp.

Sau lễ rước, xóm Đông Bàu xuống sông bắt đầu cho mùa cào hến. Lễ rước hến ở Đông Bàu cũng như một số địa phương khác tuy có khác về hình thức, song qua đó thể hiện yếu tố tự lực, tự cường lại vừa có giá trị tinh thần của người dân Đông Bàu, vì sự sinh tồn của nhiều thế hệ. Tục rước hến đã trở thành dấu ấn đậm nét trong nhân dân (nay không còn nữa), trở thành phẩm cách của Đông Bàu (Hòa) tự khẳng định bản lĩnh của mình như *"Phong Lệ mục đồng, Giáng Đông đấu vật"*. Chính vì con hến nên khi ngang qua vùng Phong Nam ta vẫn còn nghe được câu hát một thời:

Ai về Phong Lệ thì về
Phong Lệ có nghề bán hến nuôi trâu [33].

Lễ hội cầu ngư các làng biển

Xưa kia, lễ hội cầu ngư của nhân dân các làng Nam Ô, Xuân Hà, Thọ Quang, Mân Thái…thuộc tổng Hà Khúc, huyện Hoà Vang

---

[32] Trong dân gian có câu ca rằng:

Chim kêu miếu Một, gà gáy giếng đôi.
Nhứt thốn tâm hà khắc vô do.
Ra về vừa tới bến đò.
Bâng khuâng nhớ lại mấy câu hò nữ nhi.
Chú đò ơi bớt ngủ một tí tì ti.
Tống nhơn lưu phước đưa tui đi về nhà...

Miếu Một tại ngã ba sông Cẩm Lệ, Cổ Cò, sông Hàn. Tương truyền miếu thờ Nguyễn Phục.

[33] Có lúc đọc: *Phong Lệ có nghề bán hến mua trâu.*

diễn ra hằng năm, và cứ 3 năm mới tổ chức lễ lớn một lần theo cách tam niên nhứt lệ. Những năm chen kẽ người dân các làng chài có lễ nhưng không lớn. Một năm có hai lần lễ kể cả các làng thuần nông nghệp vẫn phải vậy, đó là lễ mùa Xuân và mùa Thu, trong dân gian thường gọi Xuân Thu nhị kỳ. Lễ cầu ngư Xuân kỳ là trọng, thường được tổ chức lớn và quy mô hơn. Hằng năm các làng cá Liên Chiểu tổ chức vào ngày 15 tháng 2 âm lịch, làng Xuân Hòa, Thanh Khê vào ngày 26 tháng 3, các làng cá Thọ Quan, Phước Mỹ, Mân Thái…tổ chức vào ngày 26 tháng Giêng. Lễ hội cầu ngư làng Mân Thái có từ thời Cảnh Hưng 1740 – 1786. Đến thời Gia Long lễ hội phát triển theo lệ và duy trì đến ngày nay.

Ngư dân Nam Ô (Ảnh Đặng Dùng)

Trong dân gian cư dân ven biển miền Trung và Quảng Nam nói riêng còn lưu truyền chuyện kể về nguồn gốc cá Ông. Chuyện rằng: *Xưa kia đức Phật Quan Âm trong một lần tuần du Đại Hải, nhìn thấy người chết đuối trên biển, Quan Âm ngậm ngùi đau xót cho số kiếp con người, bèn xé chiếc áo cà sa đang mặc ra thành muôn mảnh, đoạn thả trên mặt biển, làm phép biến các mảnh vải thành cá Ông. Cá Ông có phép thâu đường, do đó Phật bà Quan Âm ban cho cá có nhiệm vụ thường xuyên tìm cách cứu người gặp nạn trên biển* [34]

Đặc trưng của lễ hội chính là lễ hội cầu mùa (khu vực nông nghiệp có lễ hội cầu bông). Cơ sở nẩy sinh lễ hội cầu ngư xuất phát

[34] Truyền thuyết ChamPa cũng có kể về sự tích cá Ông với nhiều chi tiết nhưng tựu trung nhiệm vụ của cá là luôn cứu người gặp nạn trên biển.

từ tín ngưỡng thờ cá Ông (Cá voi) của cư dân ven biển từ Bắc vào Nam, đến Cà Mau ra đảo Phú Quốc. Lễ hội cá Ông, Cầu ngư khi theo chân các lưu dân vào Nam đã tiếp biến cùng với tín ngưỡng thờ cá Ông của người Chăm hình thành tục thờ cá Ông, một tín ngưỡng cổ truyền có yếu tố lễ nghi của người Việt cùng với yếu tố lễ nghi của dân tộc Chăm xưa, đã được cư dân Việt tiếp thu trong quá trình cộng cư và tiếp biến văn hoá. Trong quá trình giao lưu tiếp biến, người Việt đã Việt hóa các nghi lễ từ hình thức, thờ cúng, nghi thức… nay đã mang dấu ấn tín ngưỡng của người Việt, mật độ Cầu ngư dày nhất có thể tìm thấy được từ Quảng Bình vào Nam. Ngư dân các làng cá Xuân Hà, Thọ Quang, Mân Thái…của Hòa Vang xưa kia, suy tôn cá voi thành Ông – một động vật trên biển có thật – và phong thành Phúc thần lập lăng miếu thờ tự. Lễ hội cầu ngư – cầu mùa – chính là sự thực hành tín ngưỡng, thể hiện niềm tin của ngư dân các làng cá dọc theo vịnh Hàn vào sự bảo trợ, cứu giúp của thần Nam Hải để có một vụ đánh bắt được mùa trên biển.

Ngư dân các làng cá Xuân Hà, Nam Ô, Thọ Quang, Mân Thái…, quan niệm cá Ông không chỉ là vị thần linh thiêng trên biển Đông, là ân nhân của người đi biển, mà còn đồng thời là vị thần thiêng liêng của cộng đồng ngư dân các làng chài ven biển. Vị Phúc thần có liên quan đến sự phát triển nghề nghiệp biển giã của các làng nghề đánh bắt cá trên biển. Mặt khác vị thần này còn được tôn xưng là Thành hoàng làng cá – của vạn chài. Tại các làng biển Hoà Vang xưa kia, ngư dân các làng chài quan niệm mỗi mùa có một vị thần cá Ông, vị còn sống ở trên biển gọi là Ông Sanh với danh xưng là Đông Hải Ngọc Lân và một vị thần đã chết, rất thiêng, cầu tất ứng gọi là Ông Tử với danh xưng là Nam Hải Ngọc Lân. Vị thần là Ông Sanh chính là ân nhân của người đi biển, còn Ông Tử là Phúc thần, bảo trợ cho cuộc sống của người dân vạn chài. Theo trên, ngư dân các làng cá gọi cá Ông bằng các danh xưng tôn kính: Đức Ngư Ông, Đức Linh Ông, Ngài, Ông, cá lớn gọi là Ông Lớn, cá nhỏ gọi

là Ông Cậu, cá cái gọi là Cá Cô, Ông Chuông, Ông Kim, cá sống ngoài khơi gọi là Ông Khơi, cá sống ven bờ gọi là Ông Lộng. Song gọi thành kính nhất và thường gọi là Ông (Ông luỵ, giỗ Ông, cúng Ông, xin Ông…).

Trong hành nghề nếu lưới đang bủa vây mà phát hiện có cá Ông trong lưới dù nhỏ thì liền đó lưới được mở ra cho đàn cá thoát đi. Nếu không may kéo lưới lên ghe có cá ông, nếu còn sống phải xin Ông và thả cá lại biển, nếu cá chết, thuyền đánh cá phải quay về làng ngay, tổ chức lễ an táng cho Ông. Lễ tang tiến hành như với người thân, vẫn phải tang chế đúng kỳ. 3 ngày sau làm lễ mở cửa mả, làm tuần 21 ngày cầu siêu, rồi tuần 100 ngày. Ba năm sau quật mồ hốt cốt gọi là *thỉnh ngọc cốt*, nhặt xương rửa bằng rượu sạch sẽ cho vào quách sành rồi đưa vào lăng Ông để thờ và làm lễ mãn tang.

Hầu hết các cư dân vạn chài đều có lăng để thờ Ông, gọi là Lăng Ông, Dinh Ông hoặc Miếu Ông thì ai cũng hiểu được. Lăng Ông thường theo hướng đông, tức hướng ra biển như Thọ Quang, Mân Thái, Phước Mỹ, Nam Ô, nhưng vẫn có lăng hướng ra sông như Nại Hiên Đông, Nại Hiên Tây hướng về hướng tây ngó ra sông Hàn. Lăng thờ Ông thường có các câu đối ca ngợi công đức của Ông, tùy theo sự ngưỡng vọng của làng mà lập. Ví dụ, có thể đọc được tại Lăng Ông:

- Đại Hải thần ngư năng hữu trấn,
Cứu độ thuyền nhân lúc thiên tai.

- Dựng lăng cung phụng ngư dân lập,
Ân sâu tiền tại thấu tương lai.

Hoặc:

- Đức độ cứu sanh vạn cổ âm ba vĩnh tại,
Công hoàn tế thế thiên thu phước thọ vô cương.

Hai bên dinh đặt 2 chiếc ghe (có làng không có) nhỏ, biểu tượng cho nghề đánh bắt hải sản. Phía sau dinh là nơi cất giữ hài cốt cá Ông. Hai bên tả hữu thờ các vị Tiền hiền Hậu hiền của làng.

Hằng năm lễ tế cầu ngư của các làng cá ven biển thuộc huyện Hoà Vang trước kia diễn ra vào mùa xuân ngay tại lăng Ông, hoặc Dinh Ông. Thời gian 7 ngày đêm. Nay còn 2 ngày 1 đêm. Tháng 3 âm lịch là lễ tế Ông Tử, tức vị Phúc thần Nam Hải Ngọc Lân. Trong kỳ đại lễ này ngư dân thành kính, biết ơn vị thần linh, họ gởi gắm đến Ông với ước nguyện cầu mùa và xin được bình an cho làng vạn. Đây là lễ lớn nhất trong năm của vạn. Nghi lễ tế cá Ông được tổ chức giống tế lễ Thành hoàng làng hằng năm, có ban tư lễ, tư văn, bộ phận chấp kích và các vị chủ lễ, phân hiến lễ. Tất cả các bộ phận này đều chọn những người có đạo đức, được dân vạn gởi gắm, tin tưởng. Các vị chủ tế phải dọn mình cho sạch sẽ ba ngày trước khi hành lễ. Thứ tự các bước trong lễ, nghi đều theo lớp lang của bài thày do Đông, Tây xướng xướng lên, các vị trong ban chấp kích, bộ phận nhạc lễ theo đó thực hiện. Vị tư lễ cũng phải thực hiện nghi tiết tế lễ theo lời xướng này, không sai.

Lễ hội Cầu Ngư Thanh Khê (Ảnh: St)

Lễ hội cầu ngư được tiến hành trong hai ngày với các lễ thức: lễ vọng, lễ nghinh Ông Sanh – Đông Hải Ngọc Lân – về nhập điện chứng lễ tế Ông Tử – Nam Hải Ngọc Lân, lễ nghinh Ông, lễ tế cô hồn, lễ chánh tế, và sau cùng là lễ xây chầu hát Bả trạo, đến đêm giữa hai ngày lễ hội không hoặc có hát bội. Trước ngày diễn ra lễ hội, ngư dân các làng cá tạm ngưng mọi việc liên quan đến lao động sản xuất trên biển. Không thuyền nào ra khơi, nếu đang đánh bắt, câu mực

trên biển cũng phải nhanh quay thuyền ghe về lo việc tế lễ ngư Ông, sửa sang ghe thuyền, trang trí đẹp mắt để tham gia lễ hội. Hai ngày lễ hội cầu ngư là hai ngày dân làng vạn sôi động, vui hẳn lên. Tại Lăng Ông được trang trí cờ hoa rực rỡ. Trống được dóng lên báo hiệu cho dân làng vạn tề tựu về Lăng tham gia dự lễ nghinh Ông. Trên các ghe thuyền, tại mũi ghe, chủ ghe bày một mâm cơm cúng thần sông, thần biển, cúng Ông, lễ vật kiền dụng hương đăng thanh chước, diêm mễ, phù lan tửu, và các thứ phẩm khác. Mỗi gia đình ngư dân làm nghề biển vào các ngày lễ hội lại lau chùi bàn thờ gia tiên, sắm sanh các đồ thờ, hương đèn được thắp lên, bày hoa quả, vật lễ có tại địa phương bái vọng gia tiên, cầu xin một năm làm ăn thắng lợi, bình an.

Ngày đầu tiên:

- Bắt đầu vào buổi trưa thường là Lễ vọng, tại các làng cá Thọ Quang, Mân Thái, Phước Mỹ vào ngày 25 tháng Giêng âm lịch hằng năm, dụng trầu rượu, hương đăng thanh chước thứ phẩm khác là đủ, lễ được tổ chức từ sáng sớm mục đích xin thần Nam hải tức cá Ông báo ứng cho vạn chài điềm lành, dữ trong năm. Lễ cầu xin thần vì dân vạn mà cho biết các hiện tượng lành dữ của biển để ngư dân tránh khỏi thiên tai. Lễ cử hành trang nghiêm trong tiếng trống điểm chiêng rung, đọc văn bài trong lúc thực hành nghi lễ, ca ngợi công đức của vị thần đối với dân vạn. Lễ tiến hành xong 3 tuần rượu là tất.

- Đến giữa giờ Mùi (khoảng 14 giờ) là tiến hành lễ Nghinh Ông. Lễ nghinh có khiêng kiệu để rước hồn đức Ông, các vị thần linh tại các lăng, miếu, đình, chùa làng và những oan hồn chẳng may đã bỏ mình trên biển trong lúc hành nghề đánh bắt để họ nương theo đó trở về dự lễ của dân làng. Lễ nghinh Ông là lễ được tổ chức lớn nhất của ngư dân ven biển.

Khởi sự cho lễ nghinh Ông, bộ phận tư lễ dóng lên ba hồi trống báo hiệu giờ hành lễ sắp được bắt đầu. Kế đến, đoàn rước theo thứ

tự trước sau do ban khánh tiết hướng dẫn đi thành một hàng dài ra bến. Đi đầu là lá cờ làng vuông hoặc chéo to hơn cả, theo sau là đoàn lễ sinh (học trò gia lễ) mặc quần xanh nẹp vàng và áo xanh nẹp đỏ. Theo sau là chiếc kiệu nghinh thần có 4 thanh niên vạn chài khiêng, trong kiệu có bài vị Ông, các vật phẩm khác đúng lễ, hai bên kiệu có cờ phướn và lọng che. Theo sau kiệu là Chánh tế và bồi tế. Bộ phận tư lễ và chấp kích với cổ, chiêng trống đủ bộ gióng lên theo lễ nhạc quy định của làng. Theo sau bộ phận chấp kích là đoàn lỗ bộ [35] có 8 thanh niên trai tráng hai tay cầm gươm dáo…cùng đi với phường nhạc bát âm.

Trên đường ra bến, nhạc cổ bát âm tấu lên bài nhạc Kim tiền nghinh Ông vui tươi tin tưởng. Theo sau là dân làng vạn, từ già đến trẻ nối theo sau đông đảo thành một hàng dài ra tận bến. Tại bến đã có năm ba chục chiếc ghe đã được sửa soạn tươm tất cho lễ hội neo đậu sẵn sàng chờ lệnh của ban nghi lễ.

Đoàn nghinh Ông ra đến bến, theo đó đoàn người chia theo bộ phận lần lượt bước lên ba chiếc ghe lớn hơn đã chuẩn bị sẵn. Ghe nghinh thần được trang trí lộng lẫy, trên mũi của ba chiếc ghe thắt một tấm vải đỏ biểu tượng cho sự may mắn, tự tin; cờ, phướn bay phần phật trong gió biển. Hai bên mũi ghe vẽ hai con mắt trông như một loài kình ngư biển cả, biểu hiện sức mạnh vượt trùng khơi. Chiếc ghe có kiệu nghinh thần chở một con cá Ông lớn như thật làm bằng giấy dó, (sau có giấy nhựt trình, xi măng…), tô vẻ trông như cá voi thật, được đặt dọc theo ghe. Đây là hình tượng của Ông.

---

[35] Lỗ bộ: là một số đồ binh khí thời xưa gồm 2 mác cán dài, 2 cây cờ tiết mao, 2 búa, 2 dùi bằng đồng, 1 tấm biển túc tịnh và 1 tấm hồi tị. Tuỳ theo làng, có nơi sắm 2 cờ, 4 gươm trường, 2 búa, 1 xà mâu, 2 cây long đao, …được cắm vào giá xoè ra nhiư cánh quát, đặt tại hai bên tả hữu, hoặc chánh tẩm các đình, nhà thờ tộc họ (có người làm quan). Đây là đồ nghi trượng làm tăng thêm vẻ trang nghiêm.

Bộ phận chấp kích, nhạc lễ dẫn đầu đoàn nghinh thần [36] và các bộ phận khác đi trên một ghe, chiếc còn lại chở theo một ghe đầy lưới bắt cá, được sắp đặt đâu đấy như đang chuẩn bị cho một cuộc đánh bắt cá. Trên cả ba chiếc ghe rước thần đều có đặt bàn hương án với trầm hương nghi ngút.

Ba hồi chiêng trống vang lên, đoàn rước lễ cầu ngư bắt đầu, ba chiếc thuyền rước thần theo đội hình mũi tên, chiếc nghinh thần nhô về phía trước nửa thân ghe, hai chiếc mang cờ, phướn, bộ phận chấp kích, phường bát âm, đội lễ sinh, các vị bô lão trong làng, đội lỗ bộ…xếp sau ghe nghinh thần tạo cho đoàn rước lao về hướng đông như một mũi tên bắn ra biển lớn [37]. Theo sau đoàn rước là ghe của dân vạn, trên mỗi ghe có trang trí cờ phướn của làng, tạo thành một đoàn dài theo hướng đông vươn ra biển rộng. Các ghe thuyền theo sau bắt đầu chuyển đội hình dàn thành hàng ngang lướt sóng. Trên các ghe thuyền theo sau có các đội lân, vui múa nhộn nhịp tạo cho không khí lễ hội thêm phần sinh động. Trên các ghe thuyền tiếng hò reo cổ vũ của dân vạn loang loáng trên mặt biển. Trông xa cả đoàn nghinh thần như một con thuyền lớn vẫy vùng trên biển cả.

Đến địa điểm rước thần, trống chiêng, nhạc bát âm lại tiếp tục vang lên trong gió biển. Vị Chủ tế hành lễ. Đây là thời khắc thiêng liêng, lễ rước thần thăng hoa trong tất cả dân vạn, tin rằng thần sẽ

---

[36] Ghe được chọn nghinh, rước thần phải đạt chuẩn, chủ ghe phải có uy tín trong làng chài, có đạo đức trong ứng xử và trong lao động biển giã, đặc biệt chủ ghe không mắc tang người thân mới được chọn rước thần. Ba chiếc ghe nghinh thần là loại ghe lớn, chọn lựa gần giống nhau, sơn phết đẹp mắt. Ghe rước phải có mũi cao, lườn lớn, trông dáng bề thế và vững mạnh trước sóng to, gió lớn.

[37] Trong lễ hội cầu ngư vùng Hòa Vang xưa không dùng ghe có động cơ (ghe có động cơ xuất hiện phổ biến những năm 1970) mà chỉ dùng ghe chèo, mỗi ghe có 8 thành niên chèo lái. Đội chèo được vận trang phục áo quần bằng vải đủi màu nâu. Trên ghe nghinh Ông còn có 1 lão ông như là một kỳ lão của làng vạn, là một ngư ông cao niên đã có thâm niên trong nghề đi biển, am hiểu và có nhiều kinh nghiệm vượt biển, đoán được thời tiết, gió mưa. Ông phải có uy tín với vạn chài, Trên ghe nghinh ông là biểu tượng thiêng liêng của lễ Cầu ngư – chính là vị Chủ tế của lễ hội.

chứng giám cho tấm lòng thành dân vạn. Mọi người cầu nguyện cho một năm mưa thuận gió hòa, trời yên biển lặng, tôm cá sinh sôi, ngư dân ra khơi gặp nhiều may mắn. Cầu xin Ông phước lành mang tới điều rủi xua đi. Vị chủ tế lấy vật tế kim ngân, hương hoa trà quả, diêm mễ phù lan ném xuống biển cho Long Vương, Thủy thần chứng giám. Trong lễ cầu ngư tại lễ nghinh có đọc bài văn tế *Nghinh thủy lục*. Độc chúc xong vị chủ tế xin âm dương trên dĩa. Đồng sấp đồng ngửa là thần chứng nhập. Chiêng trống và nhạc bát âm lại tấu lên bài nhạc nghinh rộn rã.

Theo hiệu lệnh của ban nghi lễ lễ hội, vị chủ tế, đoàn nghinh thần bắt đầu quay mũi trên một đường bán kính rộng. Đây là thời điểm *lên voi*, tức thời điểm Ông về, chấp nhận lễ nghinh và chứng giám lòng thành của ngư dân làng vạn [38]. Đây là điểm đỉnh của sự thăng hoa. Tiếp đó là sự cầu nguyện cho vong linh những người đã ra khơi bám biển làm ăn nhưng đã ra đi, vĩnh viễn không về.

Tại bến, có hàng mấy chục chiếc ghe lớn nhỏ đứng nhấp nhô chờ đợi, trên mỗi ghe thuyền được trang trí cờ phướn rất đẹp tạo cho ngày hội cầu ngư của ngư dân vùng ven biển thêm sinh động và có sức lan tỏa trong cả vạn chài.

Sau phần lễ là khai hội cầu ngư. Hội cầu ngư được khai ngay trên biển nơi nghinh thần. Các tay lưới được đưa ra từ một trong ba chiếc ghe rước thần để khai hội. Tại đây hội đánh cá được thể hiện như một cuộc làm ăn thật sự trên biển. Đôi khi đánh lưới hành lễ nhưng lại trở thành đánh thật. Đoàn bắt được cá! Đây là điềm vui báo hiệu sự may mắn, được Ông chứng giám và giúp đỡ. Lúc này các ghe thuyền từ trong bến bơi ra cùng tham gia lễ hội. Họ vây bắt cá trong tiếng nhạc vang lừng, xiên ngang trong gió biển. Cả đoàn

[38] Nếu việc xin âm dương chưa đạt, đoàn rước lại tiến ra biển một đoạn nữa, lại xin Ông, đến chừng nào Ông chứng mới thôi.

phấn khởi tiến về phía trước một đoạn nữa rồi mới quay mũi trở về bờ.

Đoàn rước về đến Lăng Ông, tổ chức an vị. Tại đây hành lễ cúng các vị Tiền hiền, Hậu hiền của làng, và cúng tổ nghề cá trong sự phấn khởi của dân làng.

Sau lễ nghinh Ông, an chư thần vị, là tế lễ những người có công quy dân thành lập nên vạn chài, toàn thể dân làng chuẩn bị múa hát bả trạo cúng Ông. Đây là nghi lễ tín ngưỡng độc đáo của lễ hội cầu ngư vùng biển.

- Tối xuống, giờ Tuất (21 giờ), dân làng chài tế lễ cô hồn (âm linh) tại sân Lăng Ông, dụng lễ là một bát cháo thánh, các loại khoai, sắn, bánh trái, trầu cau rượu, hương đăng, kim ngân, thanh chước. Lễ có chiêng trống dóng lên, qua 2 tuần rượu lễ, kế là độc chúc văn, lại thêm một lần rượu lễ nữa là tất. Văn tế cô hồn hàm chứa nội dung biểu hiện sự thương yêu những kẻ bất hạnh và tình cảm cộng đồng dành cho những người không may chết vì nghề nghiệp trên biển cả, gởi thân xác lại cho các vị thần Ông Sanh, Ông Tử trông coi. Thức cúng được thí cho cô hồn đẳng chúng đồng lai chứng hưởng, người dân làng chài không dùng. Sau lễ tế cô hồn âm linh có hai đội chèo cổ, chừng 12 người, ăn mặc theo lối xưa, áo thụng, chân đi giày hạ (hoặc không), đội mão, hát bả trạo cầu nguyện cho làng xóm yên vui, nhân dân vạn chài ra biển thắng lợi, no đủ quanh năm.

Ngày thứ hai:

- Lễ thỉnh văn tức lễ chuyển bài văn tế từ nhà vị Tư văn về lăng Ông hành lễ. Lễ thỉnh văn hình thức tổ chức giống với lễ rước sắc tại các làng nông nghiệp. Nội dung bài văn tế thường được viết nhằm ca ngợi công đức Ông, ca ngợi và biết ơn các vật thuỷ thần, kể công lao các vị Tiền hiền, Hậu hiền của làng đã có công khai

canh, khai cư, lập nên làng cá và đồng thời, văn bài còn tỏ lòng biết ơn tổ nghề cá.

- Lễ chánh tế được tổ chức từ lúc nửa đêm về sáng (4 giờ, trong khoảng giờ Sửu – Dần). Đây là lễ tế thần còn gọi là chánh lễ hoặc đại lễ. Lễ chánh tế có sự tham gia của ngư dân trong làng và chính quyền địa phương. Dụng lễ có con heo (chỉ cần đầu, bộ lòng mỗi thứ một ít, bốn chân, đuôi là đủ), hoa quả, bát muối sống, hạt nổ, trầu cau rượu, không dùng vật lễ bằng sản phẩm đánh bắt từ biển. Trong lễ có bài văn ca ngợi công đức của thần, dân vạn cầu xin thần ban cho vạn một vụ mùa bội thu, thuyền ra khơi xuôi chèo mát mái, trở về tôm các đầy ghe. Ngay sau đó ngư dân làng vạn làm lễ xuống thuyền mở đầu cho một năm đánh bắt với mong muốn là được mùa, an toàn trên biển cả.

Sau chánh lễ là lễ xây chầu hát bả trạo. Đây là lễ mở màn cho phần hội, cho hát thơ, hát thiêng đã trở thành tục lệ tại các làng cá Thanh Khê, Xuân Hà, Hoà Phú. Mân Thái, Thọ Quang, Nam Ô thuộc huyện Hoà Vang trước kia. Để khai tiếng trống chầu (xem như khai hội), Ban tổ chức chọn một vị già làng có đạo đức, có uy tín và có công với địa phương, có vợ đang sống song toàn thì mới được cầm chầu khai hội vui chơi cầu mong cho dân vạn được một năm an bình trong năm mới. Sau lễ xây chầu là màng hát mừng gọi là hát Phước – Lộc – Thọ.

Hát bả trạo gắn liền với lễ cầu ngư tạo nên lễ hội cầu ngư của các làng cá vũng Hàn. Hát bả trạo là một bộ phận của nghi lễ, một hình thức diễn xướng dân gian tổng hợp bao gồm các yếu tố hát và múa với đạo cụ cầm tay là mái chèo (trạo). Đội hình diễn bao gồm các con trạo thường là nam giới dưới sự chỉ huy của các Tổng mũi, Tổng thương, Tổng lái và Tổng khậu. Đội hình bả trạo được sắp xếp theo hình như đang bơi trên thuyền. Nội dung xuyên suốt quá trình diễn xướng là lời hát tạ ơn, ngợi ca công đức các vị thần trong

đó cá Ông được long trọng tri ân nhiều hơn cả. Qua lễ, cầu xin cho làng vạn được vạn sự bằng an.

Đan xen với phần tế lễ cá Ông trong lễ hội cầu ngư là các sinh hoạt văn hoá, văn nghệ dân gian cổ truyền đặc trưng nghề biển. Ngoài hình thức hát múa bả trạo, còn có các hoạt động làm tăng thêm phần hội qua các trò chơi vui, giải trí, tạo sự náo nức nhận ơn của thần trước khi ra khơi hành nghề như hát hò khoan đối đáp, hô bài chòi, thi đua ghe, thi lắc thúng rái, thúng chai trên biển…

Từ việc tôn thờ một loài cá có trong tự nhiên gắn bó lâu đời với ngư dân các làng chài ven biển thông qua phương thức lao động sinh tồn đánh bắt tôm cá đã trở thành một hình thức tín ngưỡng dân gian, chính đó tạo nên sự tích hợp văn hoá – nghệ thuật thông qua tín ngưỡng cộng đồng ngư dân là những giá trị nhân văn sâu sắc được duy trì qua các đời. Nay vẫn còn đang tiếp diễn và thực hành lễ hội phù hợp với thời đại mới.

Là những ngư dân suốt đời gắn bó với biển khơi, phải thường xuyên đối đầu với sóng gió, bão tố phong ba để giải thích các hiện tượng trên, xưa kia khi mà nền khoa học kỹ thuật chưa phát triển, rõ ràng dân làng vạn đã gởi gắm niềm tin, cầu xin đến sự giúp đỡ của các thần linh. Người Việt lại có tục thờ thần, do đó cá Ông được nhân hoá thành thần, được vương triều nhà Nguyễn phong là *Nam Hải cự tộc hoặc Nam Hải Ngọc Lân thượng đẳng thần.* Nhân dân theo đó tin và thờ vọng Ông. Hằng năm, để nhớ ơn vị thần cứu nạn trên biển, giúp đỡ vạn chài, dân chài đã tổ chức cúng tế và mở hội ăn mừng sản xuất, tạo nên tâm thế mới lạc quan, tự tin cho một năm ra biển trong cộng đồng ngư dân ven biển, với hy vọng một năm bình an, no đủ, được mùa.

- Lễ hội đăh t’rí người Cơ tu

Đối với đồng bào dân tộc Cơ tu, lễ hội *đắh t'rí* không do làng tổ chức mà do mỗi gia đình tự lo liệu trước, sau đó cả làng vào cuộc và xem đây là lễ hội chung của cả làng. Tham gia vào hội, họ hát múa tưng bừng cùng với tiếng chiêng, trống trầm hùng vang động cả một khu rừng. Trâu đối với các dân tộc thiểu số miền Tây đất Quảng là một loại hàng hoá đặc biệt trong sinh hoạt xã hội các tộc người. Từ hôn nhân, gia đình đến dùng làm vật hiến tế cúng giàng, cúng đất, tranh chấp đất đai, sông suối, cưới vợ, gả chồng… con trâu có một vị trí quan trọng. Trong một đám cưới có trâu mới xong được việc theo cách *hết xôi rồi việc* (ở dây chỉ việc làng, việc phổ) của người Kinh, cho dù đã ăn ở với nhau có khi đã hai mặt con nhưng chưa có lễ đâm trâu trong ngày cưới xem như thủ tục cưới chưa hoàn thành, cho đến chừng nào người đàn ông có trâu bổ sung vào lễ cưới trước đây, chừng đó xem như lễ cưới đã hoàn thành. Chính đó, người đàn ông Cơ tu có tập tục cưới vợ lần thứ hai là vậy. Trâu còn được sử dụng vào các ngày khánh thành gươl, nhà mới, đất mới, hoặc trong làng có niềm vui được mùa, được việc gì đấy có lợi cho làng cũng phải tổ chức *đắh t'rí* ăn mừng; hoặc trong làng liên tiếp xảy ra mất mùa, xui xẻo, rủi ro, chết xấu… cũng phải tế thần linh bằng trâu.

Để chuẩn bị lễ hiến tế *đắh t'rí* lên thần, sau khi thống nhất ngày giờ, dân cả làng tập trung nhận nhiệm vụ, phân công nhau chuẩn bị. Cột neo – *x'nur đ'đoong* – là quan trọng, phải hoàn thành xong trước *đắh t'rí* một đến hai ngày. Cột neo *x'nur đ'đoong* là cây dùng cột con trâu, đây là cây gỗ tốt, chắc, đốn từ rừng về, được chôn chặt xuống đất tại một bãi đất trống. Cũng như người Cor, người Cơ tu trang trí các đường nét hoa văn trên cây neo thật đẹp. Đây là những đường hoa văn chạm trổ công phu mang đặc trưng văn hoá dân gian dân tộc Cơ tu. Từ chân cột lên chừng 1,8 – 2 mét người Cơ tu đẽo cây theo nấc, giữa hai nấc trên dưới này họ đẽo thành bản để trang trí hoa văn vào đấy. Đối diện giữa thành bản người ta đẽo

và gắn hai tấm ván gọi là *gương*. Trên ngọn *x'nur- đ'đoong*, đan một cái *pa'pa* gọi là ổ. Trên ổ *pa'pa* các nghệ nhân vót nan tre, hoặc lồ ô, dang rất mỏng uốn cong tạo nên những đường hoa văn đẹp. Ổ *pa'pa* là nơi đặt gà và đuôi trâu lên cúng. Khi hành lễ, chủ lễ tưng gà và đuôi trâu lên phải trúng và lọt vào ổ pa'pa thì mới được giàng chứng giám và chấp thuận.

Chuẩn bị lễ hội đâm trâu (VVH)

Đ'đoong làm bằng hai cây tre dài (người Cor làm bằng hai cây gỗ rừng) cao, được trồng song song với cây neo *x'nur*. Từ mặt đất trở lên cách một mét (ngang tầm nhìn), các nghệ nhân trang trí các loại hoa vót bằng tre, nan tre mỏng mảnh, tạo thành chuỗi hoa dài, tạo các đường hoa văn cổ truyền của người Cơ tu.

Để dựng cây neo *x'nur*, sau khi đào lỗ ngoài bãi đất xong, tiến hành thủ tục: dụng một con gà trống tơ, cắt cổ lấy huyết cúng máu

bên lỗ dựng neo, đánh trống chiêng một vòng quanh nơi chuẩn bị dựng cây *x'nur*. (Người Cor cúng bằng một con heo). Dùng một ít rượu, mồi vãi ra chung quanh nơi dựng cây neo. Vị chủ lễ khấn với giàng:

Nay, chúng tôi cúng chỗ sân này báo cho thần núi, thần sông, suối và giàng biết chúng tôi dựng cột neo để đâm trâu và các ngài không được trách móc. Chúng tôi mời thần thánh về đây chứng giám cuộc đâm trâu này và về đây dùng thịt trâu cùng chúng tôi và cho chúng tôi khoẻ mạnh, giàu sang. [39].

Vị chủ lễ khấn xong, thanh niên xúm lại khiêng cây neo lễ dựng lên trồng vào lỗ cột trong tiếng chiêng, trống vang lừng và điệu muá *t'tung t'tung – da dă* nhộn nhịp.

Cột trâu vào cây neo lễ *x'nur* tế thần, lễ tiến hành đơn giản nhưng phải có đánh trống chiêng vang lên, và tuỳ theo lễ tiết mà tiếng chiêng giữ nhịp cũng khác nhau. Lễ của làng có chiêng trống vì đây là việc chung, vị già làng đưa trâu đến và buộc vào cột neo. Nếu lễ dùng vào việc riêng cho gia đình như cưới hỏi, vào nhà mới… thì vị chủ nhà tự tay buộc trâu vào cột và chiêng trống cũng được gióng lên. Buộc trâu vào xong đến khi đâm trâu tuỳ thuộc vào quá trình tiến hành lễ, đôi khi từ 1 đến 2 ngày mới đâm trâu – *tắc t'rí* – Thủ tục đâm trâu tiến hành như sau:

Chiều tối trước ngày đâm trâu, vị già làng (nếu tế trâu vì việc chung, chủ nhà nếu vì việc riêng) tổ chức cúng trâu – *dục t'rí* – tại sân bãi. Thủ tục cúng *dục t'rí* phải có một con heo, một con gà trống tơ và chai rượu. Lễ chỉ cúng đầu heo, gà luộc cúng ngay tại cây *x'nur* thưa với giàng biết rằng: *mọi việc đã chuẩn bị đâu vào đấy, ngày mai làng quyết định đắh t'rí*. Sau lễ, thịt heo được kho, nấu ăn

---

[39] Nâu zi p'nhưa bh'nuốih đhí tang moon abhuy k'ruung k'coong, abhuy đông tang, dang brắh năl azi p'đhọng x'nur zi tắc t'rí, dang brắh năl oó k'téh k'điing ciing nhưa. Zi k'dua ipêê cho ăy đâu lêy hêê tắc t'rí lọng hêê đắh x'nénh đoo, đoọng ha zi k'rơ ma'mông, k'van k'bhố ! Hú…hú…!

uống trong đêm, và ca múa chờ trời sáng. Đêm chờ sáng, cả làng tập trung tại sân bãi múa hát vui vẻ đến khuya, ai mệt thì về nhà, các cụ già trong làng ở lại – thực hiện *nơi – khóc tế trâu* – đến sáng. Các cụ mở đầu câu khóc nơi bằng câu: *Bhôông dốch li dôl mây châu – Trâu ơi, giờ đã buộc vào neo biết gỡ vào đâu* – rồi sau đó khóc tiếp những nội dung liên quan khác. Trong những câu khóc tiếp thường thể hiện nội dung: *kể khổ, nói lên việc đời đau xót, khổ ải, cả một đời người lam lũ nhưng vẫn quanh năm nghèo khó; việc nhà việc nước chưa xong, nay tuổi đã xế chiều, ai biết nay mai đời sẽ đi về đâu.* Người ta khóc về trâu rồi khóc về mình, cả làng thổn thức không ngủ lắng nghe văng vẳng từ bãi sân làng đưa vào nhà *tiếng khóc lý, nói về lẽ đời và căn dặn con cháu sống phải thương yêu nhau, có tình có lý, phải đùm bọc nhau mà sống. Mong con cháu, hàng xóm, đoàn kết, thành đạt, già có nhắm mắt xuôi tay cũng an lòng*… Khóc trâu là biện pháp nhân cách hoá con trâu, nhằm thể hiện tình cảm yêu thương con người với nhau, thương trâu cả đời lam lũ phục vụ con người nay cũng hiến xác thịt cho thần, cho người. Còn nếu trâu hiến tế là của riêng gia đình như đám cưới thì họ lại khóc trâu *biểu hiện sự kể khổ, những điều chuẩn bị cho lễ cưới chưa đủ, chưa xứng tầm với con trâu như yêu cầu của nhà bên gái.*

Cứ chỉ khóc tế trâu vào đêm trước ngày tế, người khóc tế thường thể hiện hết tất cả lòng mình trong việc thương tiếc trâu là biểu hiện tình cảm cá nhân riêng tư. Song thật sâu sắc khóc tế trâu ngoài chủ đích gởi vào tâm can của người nghe thông qua *lý*, qua *tình*, bằng những kỷ niệm sâu lắng của cuộc đời thì con trâu đêm đó cũng không thể ngủ được và dường như cảm nhận được rằng, trâu cũng thao thức, ngậm ngùi và chảy nước mắt như đã cảm nhận được nỗi niềm than khóc của người đang khóc mình.

Khóc trâu – *nơi* – là một sinh hoạt văn hoá dân gian cổ truyền của người Cơ tu miền múi phía Tây đất Quảng. Có thể hình dung

ra rằng, giữa đêm khuya, nơi một bìa rừng nào đó, núi rừng yên ắng, gió rì rào trên bãi khuya giữa sân làng, một ngọn lửa phập phừng trong đêm tối đầy sao, cùng với con trâu buộc cổ vào nài với 5 – 6 người ngồi chống cằm kể lể trong tiếng khóc với tiếng trống ngắt nhịp 1-2-1, 1-2-1… liên hồi và ngắt quãng (không đánh chiêng) kèm theo lời thai ai oán, lý lẽ chân tình, mộc mạc, thể hiện hết nỗi niềm của mình, ta bắt gặp những đêm tế trâu như vậy thật là sâu sắc và là biểu hiện đặc trưng, đã đi vào lòng người với tâm thức linh thiêng. Đây là một nét độc đáo khó quên, một thành tố cấu thành nét nhấn trong lễ hội đâm trâu của người Cơ tu.

Đêm đã qua, ngày đâm trâu sáng dần lên. *Đắh t'rí* thường diễn ra sau bữa ăn sáng, vị già làng (hoặc chủ nhà) làm lễ cúng tại nhà gươl (hoặc tại nhà riêng) xong, lễ cúng gồm: mâm xôi, chai rượu, con gà luộc, trứng luộc, gạo trắng, muối hạt, chén nước trong. Người cúng là chủ làng khấn với giàng báo rằng chuẩn bị tiến hành đắh t'rí. Chiêng trống giục vang theo lễ tiết đâm trâu. Tại nơi để cúng, vị già làng phân công làm một cái lán che bằng những tấm *tút* đẹp, người Cơ tu gọi là *G'nâu đhí tang têng đông bhr' nuốih tắc t'ti.* Sau khi lễ cúng tại gươl hoặc nhà riêng xong, mang mâm cúng về tại *g'nâu – lán trại* – đặt vào trại cúng lần nữa. (*P'nhưa – cúng – bh'nuốih* tuỳ theo tính chất cuộc ăn trâu đó. Nếu tế vì việc riêng thì lời khấn cúng *(p'nhưa): abhuy đông xang, p'rang l'piing; aghuy amế ama ava adêy; abhuy z'đêr đ'đăl c'râl đông… chô đắh t'rí đoọng hazi k'rơ ma'mông, ching gioo, k'van k'bhố*. Nếu làng hiến tế trâu thì lời khấn: *Abhuy k'tiếc k'ruung, k'coong dading, abhuy abhô đông tang p'rang z'noóc, abhuy ch'ngai đăn chô đắh t'rí k'văr đoọng ha zi k'van, k'bhố, k'rơ ma mông laling ching gioo, bớc a'roo abhoo*). Xong lại mang đến gốc cây *x'nur – cây neo lễ* – cắt một ít thịt nơi đuôi trâu và thọc lấy ít tiết nơi mũi trâu để cúng thần đất, thần làng, thần cây trồng, vật nuôi và những người xấu số. Tại đây, vị chủ lễ khấn: *Các thần núi rừng, làng trong làng xóm là*

một đừng ai xấu với ai, các giàng một lòng như nhau cầu cho chúng tôi nhiều lúa gạo, ngô bắp, của cải, ché chiêng; chặn điều xấu, điều ác, giữ cho chúng tôi sức khoẻ và sống lâu; hồn ông bà ban cho con cháu ấm no hạnh phúc. Đây, chúng ta đâm trâu, chúng tôi hiến trước cho các vị máu trâu tươi và gan ngon để các vị thưởng thức - các vị ban cho chúng tôi những điều tốt lành! Hú…hú…hú…[40]. Khấn xong vãi rượu, nước, gạo muối vào đầu trâu và thọc mũi trâu cho chảy máu, đoạn hứng ít máu mũi trâu mang đi cúng trên ổ x'nur. Xong lễ cúng là đến lượt đâm trâu.

Người thọc mũi dáo đâm trâu nhát đầu tiên lưu ý rằng nếu việc của làng thì phải chọn người có uy tín trong làng, người biết rõ phong tục, tập quán Cơ tu trong việc đâm trâu, biết đâm trúng chỗ hiểm. Người đó phải nhận một chén rượu cần và con gà của làng cho. Sau khi trâu chết, làng phải trả ơn bằng một miếng thịt *thăng lưng trâu* cho người đâm nhát dáo đầu tiên này; còn nếu việc riêng của gia đình thì người đâm trâu đầu tiên là vị chủ nhà và không có tục lệ biếu con gà và chén rượu như việc làng.

Để đâm trâu phải thúc cho trâu chạy vòng quanh cây neo lễ, khi trâu đang chạy thì đâm. Dụng cụ để đâm là dụ sắc, chắc cứng. Vị trí là đâm vào nách phải của trâu (không đâm bên trái), cũng không được đâm lung tung không đúng nơi quy định.

Nếu vật hiến tế là con bò thì đập lên gáy, lên đầu hoặc cắt tiết cho nhanh chết. Truyền thuyết người Cơ tu kể rằng: *xưa kia trâu và bò nói chuyện với nhau, trâu thì nói rằng trước khi chết nên đâm*

---

[40] Ipêê abhuy cruung, abhuy đông tang muy đoo, oó ngai mốp lợng ngai, ipêê liêm crêê đoóng hazi aví, abhoo, cr'van cr'bhố, zớ chiing c'riing zơr'nư. Xư azi ma'mông k'rơ;ra vai apêê t'coóh t'ha zoi zư zúp k'coon ta'đhi. Nâu hêê tắc t'rí đoọng hi pêê aham, loom l'lăm arướh pêê cha đắh ipêê k'văr – k'vợ đoọng ha zi đớh crêê đớh liêm! hú…hú…hú…3 lần.

để được nhìn lâu trời đất và chứng kiến hát múa tiễn đưa, còn bò thì bảo trước sau cũng chết nên chết lập túc cho khỏi đau đớn.

Việc đâm trâu vào nách phải là trâu tế vào việc tốt trong làng, trong gia đình, mục đích để cho trâu chết từ từ cho dân làng múa vui. Còn dùng cho việc xấu như tang lễ thì đâm vào bên trái, trúng tim, trâu chết nhanh, không múa vui linh đình.

Nhát đâm trâu đầu tiên, người lớn tuổi thường để ý xem khi vừa đâm xong trâu có ngoáy nhìn người đâm nó không. Nếu ngoáy nhìn người đâm nó, họ cho rằng báo điềm xấu cho người ấy, họ lo sợ cho rằng khả năng người đó không sống lâu, chính vì lẽ này người ta phải thúc cho trâu chạy, họ mới đâm từ sau lưng trâu để trâu khỏi nhìn người đâm mình nhát đầu tiên.

Khi trâu chết, người ta quan sát xem trâu ngã về phía nào, từ đó thực hiện quan niệm *xem vật đoán việc*. Người Cơ tu cho rằng trâu ngã chết có liên quan đến chủ nhà hoặc cả làng. Đây là điềm báo tốt hoặc xấu: nếu trâu chết tốt, tức trâu ngã không đè lên nơi vết đâm, bụng ôm vào cây x'nur, đầu hướng vào nhà chủ hoặc nhà gươl (nếu là điểm báo cho làng). Trước khi chết, trâu không dãy đất, không kêu rống là điềm tốt cho nhà chủ; trâu ra máu nhiều, chảy xuống đất, người Cơ tu tin rằng năm này sẽ được mùa to; còn nếu ngược lại là điềm không tốt cho nhà chủ và dân trong làng. Bởi người Cơ tu quan niệm rằng, trâu rống mà dãy đất, kêu rống thảm thiết là trâu có nguyện vọng lạy đất, kêu trời, việc trâu chết là oan sai. Về sau, chủ nhà hoặc dân trong làng thế nào cũng gặp nhiều bất trắc trong cuộc sống.

Trâu tắt thở, người ta nhanh chóng mang nước lã đến tạt lên mình trâu, đổ vào chỗ có vết đâm để trâu chết nhanh và tăng thêm lượng huyết ứ. Lại dùng lá chuối rừng băm trên xác trâu, có ý cho rằng lượng thịt trâu không hao tổn; đồng thời chủ nhà (việc riêng), vị già làng (việc chung) mang tấm *tút*, chiêng, trống đặt lên mình trâu, xong rãi rượu, gạo muối, nước vào đầu trâu là biểu hiện sự

chia của để linh hồn trâu mang về thế giới bên kia an giấc, để lại cho con người nhiều sự tốt lành.

Chủ lễ hoặc vị chủ nhà cắt một ít đuôi trâu, một ít thịt gà, vật lễ ném lên ổ pa'pa trên cao, nơi đã đặt sẵn cái ổ cúng trên đầu cột x'nur. Khi ném trúng và lọt và ổ cúng xem như giàng đã chấp nhận mọi điều, nếu không phải cầu xin và tiếp tục ném chừng nào đuôi trâu, thịt gà và vật lễ lọt vào ổ mới thôi.

Đối với dân làng vây quanh cột x'nur thành một vòng tròn múa hát vui vẻ, cúng xong tại cột x'nur, mâm cúng mang vào nhà gươl hoặc nhà chủ tiếp tục khấn với *dang abhô – giàng* – trong nhà hoặc làng biết trâu đã tắt thở chờ mổ thịt. Mâm cúng khấn *dang abhô* này chỉ do người già trong làng hoặc chủ nhà ăn mà thôi.

Mổ trâu ngay khi cử lễ và thực hiện các tập tục xong, lấy một ít gan tươi xâu vào dây dang mang đi nướng chín, vị chủ lễ cắm xâu dang ngay tại cột cây neo lễ – x'nur – cúng thần ác [41]. Tại đây chủ lễ khấn: *Trâu đã chết, nay cho các thần linh dùng trước gan ngon đừng quấy rầy hại dân làng nữa.* Cúng xong, lại đem xâu gan vào cúng tại nhà, mục đích cúng thần tài, thần lộc, phù hộ, độ trì gia chủ và hiến trước gan trâu để *dang abhô* dùng, đừng đòi việc khác nữa. Lời cúng khấn như sau: *Nâu zi đoọng pêê đắh loom gioó lóp la, nâu pêê đắh cha xang ư nâu ipêê chô, đớc ha zi k'rơ ma mông ching gioo, cr'van cr'bhố aví abhoo, ma mai xa xao. (Này, chúng tôi hiến cho quý ngài ăn gan trước, ăn xong việc đã trọn, mời quý vị về và phù hộ chúng tôi sức khoẻ và sống lâu, giàu sang nhiều lúa, nhiều ngô, nhiều ché chiêng, nhiều dâu rể).*Khi chưa cúng gan thì bất cứ ai cũng chưa thể ăn thịt trâu được. Trong lễ cúng hiến tế trâu có việc phải kiêng cữ:

[41] Thần ác được người Cơ tu quan niệm là những người chết xấu không vào nhà được.

- Vợ chồng có thai, vợ chồng vừa mới cưới nhau, người đang mang tang không được vào nơi diễn ra lễ cúng suốt những ngày làng (nhà) đang diễn ra hành lễ.

- Cúng xong, trẻ em không được cho ăn mắt trâu vì sợ lớn lên chỉ biết nhìn mà không biết làm, không cho ăn tai trâu vì sợ chỉ nghe mà không chịu làm lụng, không ăn bộ phận sinh dục vì sợ mắt kém dễ ngoại tình.

Sau lễ cúng, mổ thịt trâu chia nhau ăn uống bình thường không còn kiêng cữ gì nữa. Đêm sau lễ hiến tế chỉ ăn uống no say mà không múa hát điệu t'tung, điệu da dã như đêm trước, thanh niên nam nữ Cơ tu tập trung vào nhà tổ chức hát các làn điệu dân ca Cơ tu: *cha'chấp, ca'lới, pr'lư bhr'noóh, đhương đhấp, k'lới tr'ghlếch*… với các loại nhạc cụ như khèn, sáo. Có nhóm nói lý, hát lý với nhau để hiểu thêm chuyện làng, chuyện nhà, chuyện rèn luyện đạo đức và kể chuyện cổ tích cho các em nhỏ nghe…

Mờ sáng hôm sau, người chủ lễ lấy sọ trâu cõng lên lưng, múa 3 vòng cùng với tiếng cồng chiêng tại gốc cây *x'nur* báo cho giàng việc hiến tế đã hoàn tất, sau đó vào lại nhà cũng múa 3 vòng như ngoài trụ neo và khấn với giàng: *Đây, việc ăn thịt trâu đã xong, từ đây các ngài không còn thắc mắc gì để đòi thịt trâu nữa. Mong quý ngài phù hộ, độ trì cho dân làng và trở về nơi cũ để lại cho con cháu những điều tốt lành, thành đạt.*

Từ đó, chiêng trống được mang đi cất không đánh nếu không có việc tế lễ để dùng. Lễ hội *Đắh t'rí – ăn trâu* – đến đây kết thúc.

Lễ hội mừng lúa mới các dân tộc thiểu số (Cơ tu)

Vào tháng 8,9,10 sau khi đồng bào sửa sang lại nhà cửa xong thì ngoài nương rẫy lúa đã bắt đầu chín tới. Đồng bào bắt tay vào việc thu hoạch lúa mùa. Trước đây đồng bào dân tộc thiểu số miền Tây huyện Hòa Vang một năm chỉ có một vụ lúa mà thôi. Sau khi

dạo quanh các nương rẫy xem và đoán định lúa đã chín đều khắp hay chưa, sau đấy, làng tổ chức họp bàn chọn ngày giờ tổ chức ăn lúa mới.

Để lễ hội ăn lúa mới được vui vẻ, thanh niên nam nữ dọn dẹp nhà cửa, sân làng, quanh khu nhà cho thật sạch đẹp; đồng thời mang các loại dụng cụ lao động như rựa, liềm, rìu, nong, nia, dừng, sàng, cối [42], chày… vào nhà gươl để báo cáo với giàng rằng kết quả công việc lao động trong năm. Mặt khác dùng các ống thịt chim, cá, sóc, nhím… vừa bắt được ở rừng về, nướng chín thơm lựng, đoạn tập trung lại tại gươl dâng lên cho làng. Các cô con gái, các chị, các mẹ tắm rửa sạch sẽ, ăn diện bộ váy mới, lau chùi gùi và ngứt các loại hoa, phần nhiều là hoa rừng *a'ai, k'bhớc* cắm vào gùi cho đẹp chuẩn bị tuốt lúa vàng về cho làng.

Nếu được làng thống nhất thì ngày được chọn, cả làng ra quân đi tuốt lúa theo rẫy ai người ấy tuốt. Người bước chân vào rẫy tuốt lúa đầu tiên là người mẹ trong nhà, bà ngắt ba bông lúa cột riêng bỏ vào gùi sau lưng, sau đó tuốt vài ba bông trao cho các chị em mỗi người một ít, cách phân công như thế, tục người Cơ tu gọi là *chrây*, và bà khấn:

A'roo t'mêê, k'bhêê chă đêệng;
bịng zơng bịng đông;
puôn c'nắt ch'pắt ch'nêếh bịng gọ goi;
toi đớc hazi k'van k'bhố, crêê liêm…
Lúa mới đừng tổn hao;
đông đầy kho;
bốn miếng sáu hạt nở đầy nồi;
tạo cho chúng tôi giàu no, yên ổn).

Kế đến là mọi người tuốt lúa. Tuốt đầy gùi mọi người về nhà làm thủ tục cúng lúa mới, bà mẹ bứt bông lúa đầu tiên ở rẫy về nhà

[42] Cối giã lúa của đồng bào dân tộc hầu hết làm bằng thân cây gỗ, loại cứng.

khấn báo với thần linh rằng: *lúa mới đã về nhà, mong thần phù hộ, độ trì, lúa chất đầy kho, bụng no đủ cả năm*. Tất cả chị em mang số lúa vừa mới tuốt được vào bếp rang lên, nấu một nồi nhỏ cúng giàng, cúng thần linh, thần lúa và nấu một nồi to cho cả nhà ăn. Cơm đã xong, đưa mâm cơm và ống thịt nướng lên gươl dâng cho làng thưởng thức phần lúa mới của gia đình mình, tục Cơ tu gọi là *đh'bưy*. Tục quy định cho mỗi chủ hộ tự mang cơm của hộ mình lên gươl để làng gộp chung các hộ lại, và sau đó tổ chức một bữa ăn chung cho cả làng. Một bữa cơm cộng cảm mang đầy giá trị nhân văn và tính cộng đồng cao cả. Dân trong làng tập trung đông, ngồi ăn chung tại gươl theo thứ bậc trên dưới. Trong bữa cơm mới ăn chung này, người Cơ tu có tục kiêng:

Lễ hội mừng lúa mới người Cơ Tu (Ảnh: Tiểu Vũ)

-Vợ chồng (cả chồng) có thai nghén, nhà đang thời kỳ tang hiếu không được đến nhà gươl dự bữa ăn cơm mới này.

Ba ngày sau khi thực hiện tục *đh'bưy*, người Cơ tu mới lên rẫy, từ đây họ tập trung tuốt cho xong lúa trên rẫy trước khi mưa, gió, lũ tràn về. Việc tuốt lúa trên rẫy được phân công cho con gái, đàn bà, con trai và đàn ông chỉ việc mang lúa về phơi khô và cho vào cất trong kho. Tuy nhiên nếu tuốt lúa nhằm vào mùa săn bắt, việc phơi phóng cũng giao lại cho đàn bà con gái, còn đàn ông, con trai nhất định vác dụng cụ săn bắn lên rừng để tham gia cùng trai

tráng buôn làng vào việc đi săn. Đi săn là ngày hội của đàn ông Cơ tu. Con trai Cơ tu không bỏ săn bắn, trừ những người già.

Khi cho lúa vào kho, lúa mới để riêng, lúa cũ riêng, chọn lúa giống cho vào bao bọc cất đặt cẩn thận. Lúa cũ dự phòng trong kho dùng vào những việc như việc tang, cúng lễ… (lúa mới không dùng vào các tục lệ có cúng tế).

Khi trên nương rẫy đã được thu hoạch xong, người đứng đầu buôn làng dạo đồng kiểm tra xác định mùa tuốt lúa đã xong, cả làng lại chọn ngày họp mặt lại lần nữa, ăn mừng kết quả lao động trong năm. Lễ ăn lúa mới lần này người ta có nấu cơm lam (vuốt gạo xong cho vào ống dang, nứa và nướng chín), tổ chức đánh chiêng trống vang rền, đêm xuống múa hát làm vui, trai gái tìm cách *đi sim,* mời bà con, họ hàng thân thích trong hoặc ngoài buôn làng về nhà dự lễ mừng cơm mới. Người Cơ tu nấu các loại cơm theo mùa, mỗi mùa có mỗi cách nấu khác nhau. Trong lễ ăn lúa mới là rang lúa, giã và nấu cơm thông thường. Do lúa mới nên rang lên và nấu mùi lúa mới rất thơm. Lễ mừng sau khi thu hoạch xong nấu cơm lam (*hâr*). Lễ mừng phát rẫy xong, nấu xôi (*đhoóh*). Lễ trỉa lúa rẫy xong nấu *bánh cuốt*. (Bên cha (*chúih*) vợ - *tr'chấc tr'giáo* - đến nhà con rể thăm chơi cũng phải thực hiện theo tập tục này.

Người Cơ tu phát rẫy xong, tiết đã sang xuân, nắng ấm áp, hoa phong lan nở rộ, chim muông sinh trưởng hót vang rừng (*pa'toọng k'lang xưl*), mọi người vui mừng nấu xôi làm lễ ăn mừng gọi là lễ *k'đắc pa'toọng*. Sang hè, người Cơ tu đốt rẫy và trỉa luá, trỉa xong là thời điểm nông nhàn, làng và nhà tổ chức sửa sang nhà cửa, đường làng, sân bãi, máng nước và liên hoan bằng bánh *cuốt* [43].

Lễ hội tế trâu làng An Hải

[43] Đọc Bh'riu Liếc: *Tiếng thông dụng C'tu – Kinh cà văn hóa làng C'tu. Sở Văn hóa Thông tin Quảng Nam tháng 03.2006.*

Làng An Hải xưa cùng với các làng Hoá Khuê, Hải Châu, Trà Kiệu, Chiên Đàn nổi tiếng là "*Quảng Nam ngũ đại xã*". Làng nguyên là hạt Bà Thân, gồm 4 xứ: Bà Thân thượng xứ, Bà Thân trung xứ, Bà Thân hạ xứ, Bà Thân hậu xứ. Làng vốn có tên là Phước Vang, sau gọi An Hải.

An Hải không chỉ là làng quê nổi danh các nhân vật đã đi vào lịch sử như: Lê Cảnh, Trần Quang Diệu, Thoại ngọc hầu Nguyễn Văn Thoại ... còn hiện diện trong các đền thờ, liễn đối, văn tế được lưu giữ, mà còn nổi tiếng qua lễ hội tế trâu tại đình làng và đàn Thần Nông.

Lễ hội tế trâu hàng năm thường được tổ chức vào ngày mồng 10 tháng 8 âm lịch. Mục đích ngưỡng vọng *Thần Nông* hay còn gọi là *Tiên Nông*, tương truyền là vị Thần tổ sư nông nghiệp đã khai sinh ra nền văn minh lúa nước. Tôn vinh công đức các bậc tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cư cùng các bậc tiền bối có công và tưởng nhớ về cội nguồn, mang hình thức lễ hội cầu an (hay cầu yên), cũng chính là ngày nông dân sau thu hoạch vụ mùa Hè - Thu, nghỉ tay chờ xuống đồng cho vụ Đông - Xuân. Lễ hội được tổ chức trọng thể tại hai nơi là đình làng và đàn Thần Nông.

Đàn Thần Nông, được tiền nhân xây dựng trên khoảnh đất tại xứ Cồn Lăng, xưa gọi là *"Linh địa lâm cấm An Hải xã"*, nơi chỉ dành để xây dựng lăng miếu, đền đàn, lăng mộ của các quan võ tướng có công với làng, nên có địa danh *"Cồn Lăng"*. Và cũng bởi quan niệm người xưa, tạo hoá sinh dưỡng muôn loài động thực vật là bởi kết hợp âm dương của trời đất, do đó đàn Thần Nông được xây dựng lộ thiên, không có mái che, để đất được thông với trời cho âm dương được hoà quyện. Và cũng bởi ý thức, con trâu là con vật tuy rất khoẻ mạnh nhưng hiền lành và rất trung thành với chủ, góp công đáng kể trong lao động sản xuất của nhà nông, mà người đời vẫn thường hay hát:

“ Trâu ơi! ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta
Cái cày vốn thiệt nông gia
Ta đây, trâu đấy ai mà quản công ...”.

Vì thế trong lễ hội này, con trâu được chọn là “vật tế chính” nhưng “chỉ tế sống chứ không giết mổ”. Vì vậy mà lễ hội này được dân gian quen gọi là “Lễ hội tế trâu” qua truyền tụng:

“ Dù ai đi đâu, ở đâu
Mồng mười tháng tám tế trâu thì về”.

Lễ hội tế trâu làng An Hải được diễn ra như sau:

Thành phần tham dự lễ: Gồm các quan viên, chức sắc của huyện Diên Phước hoặc Hoà Vang (nguyên làng An Hải trước thuộc huyện Diên Phước sau thuộc huyện Hoà Vang), viên chức thuộc tổng An Lưu, bàn lão và hương chức của các làng Tân An, Phước Trường, Mỹ Khê, Hội đồng hương lão, Hội đồng ngũ vị hương (Hương lý, Hương thân, Hương kiểm, Hương lễ, Hương bộ) cùng các thân hào nhân sĩ và nhân dân địa phương An Hải.

Thành phần diễn lễ: Gồm ban tổ chức, đứng đầu là lý trưởng, cùng với chủ bái (hay chánh tế, chủ tế, chánh bái), tả hữu bồi bái (hay hai bồi tế hoặc Đông, Tây phân hiến), hai người phụ trách kiểng cổ (nhạc khí loại nhỏ), hai người phụ trách chinh cổ (chiêng trống lớn), một người phụ trách thanh la (gọi là cái lệnh), 3 người phụ trách rót trà, rượu tại 3 gian bàn thờ trong đình làng, một người phụ trách đọc văn tế, một người phụ trách xướng, 12 lễ sanh (còn gọi học trò gia lễ), 4 người phụ trách khiêng kiệu, một số người phụ trách cầm cờ vuông ngũ sắc, cờ đuôi nheo (cờ xéo), cờ phướn, ban nhạc cổ bát âm gồm có: trống, kèn, sáo, đờn nhị, đờn cò, đờn tranh, xập xoã, sinh gõ nhịp. Tất cả đều trang phục chỉnh tề tuỳ theo vai trò phụ trách.

Lễ phẩm bao gồm: Trầu, cau, rượu, hương trầm, hoa qủa. Các mâm cổ, chủ yếu là xôi nếp mới gặt, thịt, bánh các loại (tét, in, khô) được đặt tại 3 bàn thờ trong đình làng, một tại bàn chính diện ngoài sân đình, một tại đàn Thần Nông. Con trâu được chọn để tế trong buổi chánh lễ tại đàn Thần Nông và đình làng là con trâu đực khoẻ mạnh, mập béo, da lông mượt, đôi sừng cong nhọn cân đối trông oai vệ. Đầu và lưng trâu được phủ lên tấm vải đỏ.

Diễn tiến lễ hội: Đêm mồng 9 tháng 8 âm lịch, cúng tế tại đình làng có phần giản đơn, gọi là "lễ vọng" (còn gọi là cáo tiên thường). Ngày chánh lễ mồng 10 tháng 8 âm lịch, tờ mờ sáng được khởi động bằng ba hồi thanh la, không ai bảo ai, từ trong đến ngoài sân đình làng người người quần áo tươm tất hơn thường nhựt, niềm nở chào đón nhau. Sau ba hồi thanh la, ba hồi kiểng cổ, nhạc cổ trổi lên, rồi ba hồi chiêng trống và xướng... Chủ tế đến thau nước đặt cuối sân thực hiện*"quán tẩy"* rồi bước vào chiếu niệm hương, cầm 3 cây hương khấn vái trước bàn linh án đặt tại trước sân đình cận bức bình phong che chắn cổng đình, có 4 lễ sinh đứng hầu hai bên, tuần tự theo lời xướng, rồi 2 trong số 4 lễ sinh đó cầm đèn quỳ hai bên vị đọc văn tế cúng cô hồn trước tiền án hương trầm nghi ngút. Nội dung của bài văn tế nói lên sự thương tâm thảm thiết đối với "*cô hồn thập loại chủng sanh"*. Xong tế cô hồn, 3 hồi thanh la, 3 hồi chiêng trống dứt, nhạc cổ trổi lên. Kế vị chủ tế và hai bồi tế bước vào gian chính tiền đình, chủ tế cầm 3 cây hương khấn báo rồi bưng bát hương trầm đi giữa, hai bồi tế bưng hai chưn đèn đi hai bên trong tiếng nhạc cổ rộn ràng, tiến ra trước sân đình, đặt vào trong chiếc kiệu hoa đã được bài trí. Đoàn rước kiệu tiến về đàn Thần Nông theo thứ tự định sẵn, đi đầu là thanh la, cờ vuông, tiếp hai hàng cờ phướn, cờ xéo, chiêng trống, trâu tế, đội nhạc cổ, chủ tế và hai bồi tế, kiệu hoa, song song với kiệu hoa là hai hàng lễ sanh (12 người), sau cùng là đoàn thân hào nhân sĩ địa phương An Hải.

Khi đến nơi, chủ tế và hai bồi tế cùng thỉnh bát nhang và chưn đèn trên kiệu hoa đặt lên bàn thờ tại đàn Thần Nông đã bày sẵn mâm cổ. Trong khi chủ tế cầm hương khấn nguyện: "*Thỉnh cầu Thần Nông, thần linh thổ thần ban cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hoà, mùa màng tốt tươi, dân chúng được mạnh khoẻ ấm no ...*", thì đoàn cờ nheo, cờ phướn, cờ vuông lượn diễu vòng tròn nhiều vòng quanh đàn Thần Nông cùng với con trâu tế hoà lẫn tiếng nhạc cổ, tiếng chiêng trống nhịp nhàng.

Xong tế lễ tại đây, đoàn rước kiệu lại trở về đình làng, nghi lễ tiến hành theo người xướng, chủ bái, bồi bái và học trò gia lễ thực hiện lễ theo cung cách dẫn lễ 3 tuần rượu, đọc văn tế có nội dung nhằm tưởng niệm công đức của các tiền hiền, tiền bối trong việc qui dân lập ấp, khẩn điền của các liệt tổ, liệt tông, các văn quan võ tướng có công huân với nước với làng ... Thành khẩn ca ngợi công lao trời biển cùng bày tỏ lòng ngưỡng vọng tri ân của toàn dân... Phủ phục cúc cung, xin các bậc tiền nhân hiển linh chứng giám và ban phúc ấm cho dân chúng được an cư lạc nghiệp, muôn đời làng nước, thôn xóm được thịnh vượng ... Đồng thời cũng thành khẩn nguyện cầu cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hoà, mùa màng tốt tươi dân chúng được mạnh khoẻ ấm no như lời khấn tại đàn Thần Nông.

Việc xướng và hành nghi của các lễ sanh cũng giống như các lễ lược tại các làng quê khác từng diễn lễ. Xong lễ (lễ tất), đúng 10 giờ 30 sáng, con trâu tế được khoanh dây sẹo gọn trên đôi sừng rồi thả cho trâu tự do đi ăn mà không sợ thất lạc.

Trong lúc quan khách cùng hương lão địa phương chung vui thân mật, cùng nhau trao đổi những câu chuyện sinh hoạt đời thường, những kinh nghiệm về xây dựng và phát triển hương thôn, thì dân làng tập trung đông nghịt trên bờ Đông sông Hàn để xem những đội thuyền đua đang ra sức tranh giải. Có năm, ngoài những đội nam đua thuyền, cũng còn có những đội thuyền nữ thi thố tài

năng cùng với các trò chơi thể thao khác. Đến chiều tối dân làng lại nhộn nhịp tập trung xem hát bội đình làng do hương chức địa phương tổ chức hát hiến giải trí cho dân. Do có truyền thống đua ghe mà làng An Hải từ xưa đã sớm hình thành hai đội thuyền đua nam - nữ khá hoàn chỉnh. Hàng năm không chỉ tham dự lễ hội tại làng mà còn tham dự lễ tại các địa phương khác. Cũng bởi có truyền thống tổ chức hát bội và ưa thích hát bội nên dân làng nô nức đi xem có đến hàng ngàn người.

Đình làng An Hải chuẩn bị lễ hội (Ảnh: https://danangsensetravel.com)

Điểm đáng ghi nhận là "*Lễ tế trâu*" của làng An Hải Xưa, không giết mỗ trâu như "*Lễ hội chọi trâu Đồ Sơn*", đem con trâu hay, giỏi, mạnh, thắng cuộc xẻ thịt để tế thần linh như tập tục đã định, còn con trâu thua cuộc thì được ung dung sống. Hoặc lễ hội đâm trâu của các dân tộc Tây nguyên, trâu cũng bị giết trong lễ hội.

Ngày nay con trâu không còn tác dụng thực tiễn đối với nông nghiệp, mà chỉ còn là hình ảnh thân thuộc trong dân gian, không còn là biểu tượng nhà nông thuở nào. Việc lễ hội tế trâu của làng An Hải dù đã đi vào dĩ vãng, nhưng những gì mà nhân dân của làng An Hải đã thể hiện, có thể nói mang đậm dấu ấn triết lý nhân sinh quan thức thời về bản sắc văn hoá truyền thống dân tộc, vẫn còn âm hưởng trong ký ức của các cụ lão ông, lão bà trong niềm luyến tiếc tự hào mỗi khi kể lại chuyện lễ hội làng quê.